UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TÀI LIỆU

GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TỈNH ĐIỆN BIÊN

LỚP 7

Mục lục

STT	Tên chủ đề	Trang
PHẦN I: VĂN HOÁ, LỊCH SỬ TRUYỀN THỐNG		
1	Tục ngữ, ca dao của một số dân tộc ở tỉnh Điện Biên	6
2	Nhạc cụ truyền thống của một số dân tộc tỉnh Điện Biên	12
3	Trang phục truyền thống của một số dân tộc ở tỉnh Điện Biên	16
4	Những chuyển biến về kinh tế, xã hội ở tỉnh Điện Biên từ thế kỉ X – cuối thế kỉ XVIII	23
5	Những cuộc đấu tranh chống ngoại xâm và nội phản của nhân dân tỉnh Điện Biên từ thế kỉ X – cuối thế kỉ XVIII	28
6	Những thành tựu văn hoá tiêu biểu ở tỉnh Điện Biên trong các thế kỉ X – XVIII	32
PHẦN II: ĐỊA LÍ, KINH TẾ, HƯỚNG NGHIỆP		
7	Dân cư tỉnh Điện Biên	41
8	Một só dân tộc chủ yêu ở tỉnh Điện Biên	47
9	Một số đặc điểm về xã hội ở tỉnh Điện Biên	51
10	Khái quát nền kinh tế tỉnh Điện Biên	56
11	Lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với các ngành nghề ở địa phương	61
PHẦN III: CHÍNH TRỊ – XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG		
12	Xây dựng nếp sống văn hoá trong cộng đồng dân cư	65
13	Bảo vệ và sử dụng bền vững tài nguyên rừng ở tỉnh Điện Biên	71

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh thân mến!

Điện Biên là tỉnh vùng cao, biên giới của Tổ quốc, có vị trí chiến lược quan trọng về chính trị, quốc phòng, an ninh. Nơi đây lưu giữ những giá trị văn hoá truyền thống quý báu của 19 dân tộc thiểu số thuộc vùng Tây Bắc của Tổ quốc; ghi dấu những chiến công hiển hách, hào hùng: chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 "Lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu", biểu tượng cho ý chí quật cường, tinh thần yêu nước của dân tộc Việt Nam. Còn rất nhiều điều thú vị nữa về quê hương Điện Biên đang chờ các em khám phá.

Với 14 chủ đề thuộc các lĩnh vực Văn hoá, Lịch sử, Địa lí – Kinh tế, Hướng nghiệp, Chính trị xã hội, Môi trường, tài liệu ***Giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên lớp 7*** tiếp tục mang đến cho các em những trải nghiệm thú vị, bổ ích về vẻ đẹp đời sống tâm hồn, tình cảm của các dân tộc tỉnh Điện Biên thông qua tìm hiểu về tục ngữ, ca dao, âm nhạc, văn hoá, trang phục truyền thống; cuốn tài liệu sẽ đồng hành cùng các em để tái hiện thời kì lịch sử hào hùng trong đấu tranh chống ngoại xâm và quá trình xây dựng, phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Điện Biên từ thế kỉ X đến thế kỉ XVIII. Bên cạnh đó, cuốn tài liệu sẽ trang bị những kiến thức giúp các em biết bảo vệ nguồn tài nguyên rừng, gắn liền với phát triển kinh tế bền vững ở tỉnh Điện Biên.

Cuốn ***Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên lớp 7*** là một chặng đường trong hành trình đầy ý nghĩa đưa các em đến với những vẻ đẹp của quê hương Điện Biên, để hiểu hơn về văn hoá, lịch sử, truyền thống, thiên nhiên… thêm yêu, gắn bó với con người và cuộc sống.

Chúc các em có nhiều niềm vui và thành công trong học tập!

Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TÀI LIỆU



VĂN HOÁ, LỊCH SỬ TRUYỀN THỐNG

1 TỤC NGỮ, CA DAO CỦA MỘT SỐ DÂN TỘC Ở TỈNH ĐIỆN BIÊN

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Trình bày được đặc điểm tục ngữ, ca dao của một số dân tộc ở tỉnh Điện Biên.
- Nêu được nội dung, ý nghĩa một số bài tục ngữ, ca dao của một số dân tộc ở tỉnh Điện Biên.
- Sưu tầm được một số bài tục ngữ, ca dao của địa phương.
- Có thái độ tôn trọng, có hành vi giữ gìn và bảo tồn những tác phẩm dân gian của địa phương.

MỞ ĐẦU

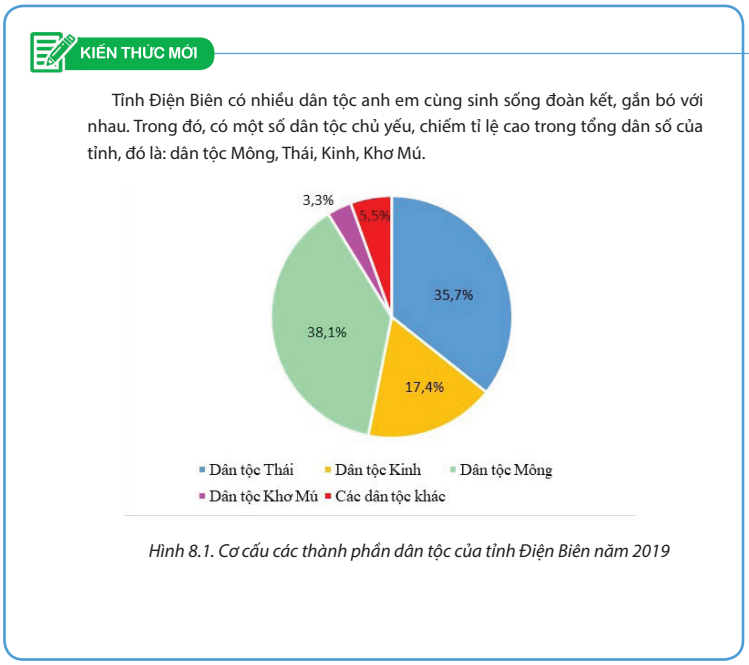
Đọc một câu tục ngữ hoặc một bài ca dao mà em biết. Nêu nội dung, ý nghĩa của câu/ bài tục ngữ/ ca dao đó.

Mục tiêu bài học:

Nhấn mạnh về yêu cầu cần đạt, năng lực và phẩm chất, thái độ học sinh cần đạt được sau khi học.

Mở đầu:

Xác định nhiệm vụ, vấn đề học tập học sinh cần giải quyết; kết nối với những điều học sinh đã biết, nêu vấn đề nhằm kích thích tư duy, tạo hứng thú đối với bài mới.



KIẾN THỨC MỚI

Tỉnh Điện Biên có nhiều dân tộc anh em cùng sinh sống đoàn kết, gắn bó với nhau. Trong đó, có một số dân tộc chủ yếu, chiếm tỉ lệ cao trong tổng dân số của tỉnh, đó là: dân tộc Mông, Thái, Kinh, Khơ Mú.

Hình 8.1. Cơ cấu các thành phần dân tộc của tỉnh Điện Biên năm 2019

Kiến thức mới:

Với các nội dung (kênh hình, kênh chữ) thông qua các hoạt động học tập giúp học sinh khai thác, tiếp nhận kiến thức mới.

LUYỆN TẬP

1. Nghe nhạc

– Nghe/ xem clip một số bản nhạc độc tấu hoặc hoà tấu đàn tính tẩu của dân tộc Thái, khèn của người Mông.

– Nhận xét âm sắc của hai loại nhạc cụ này khi diễn tấu.

2. Chia sẻ với các bạn về một loại nhạc cụ truyền thống ở nơi em sinh sống.

(Gợi ý: tên nhạc cụ, cấu tạo, cách chơi nhạc cụ, các dịp sử dụng, ý nghĩa của nhạc cụ với đời sống của người dân tại địa phương)

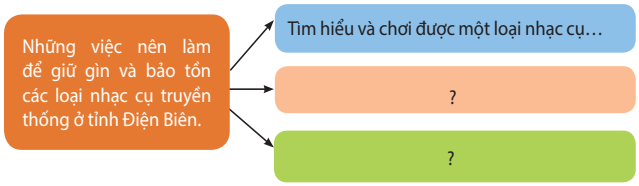
Luyện tập

Là các câu hỏi, bài tập, thực hành để củng cố kiến thức, rèn luyện các kĩ năng gắn với kiến thức vừa học.

VẬN DỤNG

1. Diễn tấu một loại nhạc cụ em biết hoặc hát một bài dân ca của dân tộc em.

2. Chia sẻ những việc em nên làm để giữ gìn và bảo tồn các loại nhạc cụ truyền thống ở tỉnh Điện Biên theo gợi ý:



Vận dụng:

Sử dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các tình huống, vấn đề trong thực tiễn.

TÌM HIỂU THÊM

CHÍNH SÁCH CỦA CHÍNH QUYỀN PHONG KIẾN TRUNG ƯƠNG ĐỐI VỚI ĐIỆN BIÊN

Ngay từ các triều Lê sơ, nhà vua đã áp dụng chính sách biến các tù trưởng dân tộc thiểu số thành những quan lại của triều đình. Những tù trưởng này được ân huệ - chức tước của triều đình - đứng đầu các địa phương của họ, cai trị dân theo cách thức, phong tục riêng; nhưng phải tuân theo pháp luật của triều đình Trung ương, hằng năm phải cống nộp lễ vật cho triều đình; thực hiện chế độ phu phen tạp dịch thời bình và huy động binh lính khi xảy ra chiến tranh.

"Một trong những biện pháp tích cực nhất góp phần ổn định tình hình Điện Biên là chính sách xếp đặt lại bộ máy hành chính địa phương, tuyển chọn những người có tài năng để đảm nhận công việc nặng nề của một phiên trấn còn chống chất bao khó khăn trở ngại. Trong các chức quan địa phương thì "chức Trấn thủ ở các xứ do đặc chỉ ban ra" và có vai trò quan trọng vì nó tập trung toàn bộ quyền hành ở trong tay.

Điểm lại các viên Đốc trấn Điện Biên từ Đoàn Tuấn Hoà, Ngô Sách Tuân (cuối thế kỉ XVII), Nguyễn Công Hãng, Nguyễn Ngọc Huyến, Mai Thế Chuẩn (nửa đầu thế kỉ XVIII)… họ đều là những bậc đại khoa, những Nho thần có tài cai trị. Người thì "trừ đảng giặc dùng đại sách bình nhung, vỗ về thể nghiệm điều thánh hoá" như Ngô Sách Tuân, người thì "có tài về việc vỗ về dân chúng, chống cự lại bọn giặc cướp nên dân nơi biên giới được yên ổn làm ăn…" như Nguyễn Ngọc Huyến… Chính nhờ tài năng và sự mẫn cán của những viên quan này mà một dải biên cương luôn bị khuấy động, nhiều loạn trước kia đã dần đi vào nền nếp và trở thành phiên giậu vững chắc nơi biên giới phía bắc quốc gia Đại Việt".

Tìm hiểu thêm:

Cung cấp một số nội dung kiến thức liên quan đến bài học.

VĂN HOÁ, LỊCH SỬ TRUYỀN THỐNG

1 TỤC NGỮ, CA DAO CỦA MỘT SỐ DÂN TỘC Ở TỈNH ĐIỆN BIÊN

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Trình bày được đặc điểm tục ngữ, ca dao của một số dân tộc ở tỉnh Điện Biên.
- Nêu được nội dung, ý nghĩa một số câu tục ngữ, bài ca dao của một số dân tộc ở tỉnh Điện Biên.
- Sưu tầm được một số câu tục ngữ, bài ca dao của địa phương.
- Có thái độ tôn trọng, có hành vi giữ gìn và bảo tồn những tác phẩm văn học dân gian của địa phương.

MỞ ĐẦU

Các câu sau thuộc thể loại văn học dân gian nào?

a) Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

b) Một con ngựa đau cả tau bỏ cỏ.

KIẾN THỨC MỚI

1. Khái quát về tục ngữ, ca dao của một số dân tộc ở tỉnh Điện Biên

Đọc văn bản

1.1. Tục ngữ

Tục ngữ của các dân tộc ở tỉnh Điện Biên được sưu tầm và lưu giữ khá phong phú về số lượng, đa dạng về nội dung. Tục ngữ dân tộc Mông phản ánh tri thức và kinh nghiệm sống của người Mông qua nhiều thế hệ. Nội dung tục ngữ Mông thường tập trung ở ba nội dung chính: phản ánh kinh nghiệm sản xuất, các mối quan hệ xã hội, lối sống cùng những ứng xử của người Mông. Tục ngữ của dân tộc Thái gọi là "Quam chiên lang" thường thể hiện kinh nghiệm sống của con người dân tộc Thái và lời khuyên răn con người trong cuộc sống với thiên nhiên và lao động, quan hệ giữa con người với con người trong xã hội bản mường. Tục ngữ của dân tộc Dao, Tày, Nùng, Hà Nhì,… cũng có nội dung tương đồng với nội dung tục ngữ dân tộc Thái.

Tục ngữ thường được đồng bào các dân tộc sử dụng trong các buổi trò chuyện, làm nương hoặc bên bếp lửa hồng vào buổi tối. Tục ngữ trở thành lời răn dạy của cha mẹ với con cái, lời khuyên của người già với thanh niên. Các câu tục ngữ của các dân tộc ở tỉnh Điện Biên được nói và viết bằng tiếng của mỗi dân tộc. Khi dịch sang tiếng Việt, các câu tục ngữ này cũng có hình thức khá tương đồng với hình thức các câu tục ngữ của người Kinh. Nghĩa là các câu tục ngữ cũng ngắn gọn, súc tích, giàu hình ảnh, có nhịp điệu, dễ nhớ, dễ thuộc,…

1.2. Ca dao

Ca dao dân tộc Thái thường nói về cuộc sống của con người với thiên nhiên như ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên; quan hệ giữa người với người trong xã hội bản mường như ca ngợi người chăm làm, nhắc nhở người chưa chăm chỉ, ca ngợi tinh thần đoàn kết, thể hiện mối quan hệ của con người trong xã hội và cách ứng xử trong cuộc sống,… Ca dao dân tộc Thái có thể hát được nên người ta gọi là "khắp chiên lang". Khi hát thường đệm thêm tiếng "thương ơi, ơi giơi, xai lả ơi, xai peng ơi, xum ơi…".

Ca dao dân tộc Mông thường thể hiện tình yêu quê hương đất nước, tình cảm giữa con người với con người. Sống ở những nơi cao nhất giữa thiên nhiên bao la, nơi mà "chỉ với tay là chạm tới trời" nên dấu ấn của môi trường sống thường in đậm trong mỗi bài ca dao. Đó là hình ảnh núi cao, hang sâu, thung lũng,… Đó là hình ảnh cô gái Mông được ví như hoa dưa, hoa bí, như hạt đậu non, như bó củi trên nương,… Người Mông gắn bó với thiên nhiên nên mọi sự vật, hiện tượng đều được tác giả dân gian thổi vào một tâm hồn, một sức sống mãnh liệt như "đoá hồng nở trên núi đá". Thiên nhiên hùng vĩ, tươi đẹp là nơi người Mông gửi gắm bao ý, bao tình. Bên cạnh đó, đề tài tình yêu của các chàng trai, cô gái Mông cũng được thể hiện trong nhiều bài ca dao và luôn mang lại nhiều cung bậc cảm xúc cho người nghe, người đọc. Đó là khát vọng về tình yêu gắn bó keo sơn, quấn quýt như cái kim, sợi chỉ cài vạt áo; như hoa đào, hoa mận với mùa xuân,.... Người Mông thổi hồn cho những bài ca dao thành những làn điệu dân ca ngọt ngào, sâu lắng. Họ có thể hát khi làm việc trên nương, khi trai gái hò hẹn, khi ru em bé ngủ,…

Ngôn ngữ thơ trong ca dao dân tộc Thái, Mông thường giản dị, gắn liền những hình ảnh đời thường mà vẫn tinh tế, sâu sắc. Về hình thức, ca dao dân tộc Thái, Mông dù nguyên bản hay dịch ra tiếng Việt đều là thể thơ tự do.

– Tục ngữ của các dân tộc ở tỉnh Điện Biên thường phản ánh những nội dung nào?

– Các câu tục ngữ thường được đồng bào các dân tộc ở Điện Biên sử dụng vào thời điểm nào, với mục đích gì?

– Những chủ đề nào thường được thể hiện trong ca dao của dân tộc Thái và dân tộc Mông?

– Người Thái, người Mông đưa những bài ca dao đến đời sống hằng ngày bằng hình thức gì, trong thời điểm nào?

2. Tìm hiểu một số câu tục ngữ, bài ca dao của một số dân tộc ở tỉnh Điện Biên

2.1. Tục ngữ

Đọc văn bản:

a) Trời xanh thì nắng
Mây đen thì mưa.

(Dân tộc Mông)

b) Làm nương nom chân vách đá
Làm ruộng nom chỗ trũng.

(Dân tộc Thái)

c) Trồng ngô chọn chân đồi
Trồng lúa chọn cuối khe.

(Dân tộc Mông)

d) Muốn ăn ngon, tự bàn tay mình làm ra
Muốn ăn đủ, tự bàn chân mình đi tới.

(Dân tộc Mông)

e) Gái đẹp không biết làm lanh cũng xấu
Trai khoẻ không biết làm nương rẫy cũng hèn.

(Dân tộc Mông)

f) Công mẹ đẻ, ơn cha thương,
Ta mới lớn thành người anh đrâu[1] Mông.
Công mẹ sinh, ơn cha dưỡng,
Mình mới lớn nên người gầu[2] Mông.

(Dân tộc Mông)

g) Một chân đứng không vững
Một tay vỗ không vang.

(Dân tộc Mông)

h) Được ăn đừng quên đũa
Được ở đừng quên ơn.

(Dân tộc Thái)

i) Dao không mài không sắc, người không dạy không khôn.

(Dân tộc Dao)

[1] *đrâu Mông: chàng trai Mông*

[2] *gầu Mông: cô gái Mông*

k) Lỡ bước còn được lùi, lỡ lời không sao sửa.

(Dân tộc Tày - Nùng)

l) Người ngoài tốt bao nhiêu cũng không bằng anh em ruột thịt.

Nắng mặt trời có oi bức bao nhiêu cũng không bằng sức nóng của bếp lửa nhà.

(Dân tộc Hà Nhì)

– Trong các câu tục ngữ trên, những câu nào nói về kinh nghiệm với thiên nhiên và lao động sản xuất; những câu nào nói về con người và xã hội?

– Các câu tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất đã phản ánh những kinh nghiệm gì? Những kinh nghiệm đó có ích gì với người lao động?

– Các câu tục ngữ về con người và xã hội muốn nhắn nhủ tới mọi người điều gì?

2.2. Ca dao

Đọc văn bản:

a) "… Thương ơi! Ở cùng nhà với người lười trở thành lười
Ở cùng bản với người chăm thành chăm
Của do tay mình làm ra chẳng chảy
Của cha mẹ cho khác gì lũ trôi
Dành của phòng mùa đói kém
Phơi thóc dành để mùa mưa
Thiếu lúa gạo thiếu đủ thứ
Có lúa gạo có đủ điều… mọi người ơi."

(Dân tộc Thái)

b) "... Thương ơi! Một người nghĩ chẳng tới
Nhiều người nghĩ mới được
Một cây chẳng thành rừng
Cây chết đứng không thành núi
Cây một cành chẳng thành cây thật đấy!..."

(Dân tộc Thái)

c) "Đá hộc nghiền đá dăm
Đá dăm nát thành bột
Bột nhỏ mịn màng
Ngắm cô mình giòn xinh
Chẳng khác gì đoá hồng nở trên núi đá."

(Dân tộc Mông)

d) "Giá anh là cái kim sợi chỉ
Để em cài chặt vạt áo
Cho suốt đời không rụng, không rơi".

(Dân tộc Mông)

– Các bài ca dao trên có thể xếp vào những chủ đề nào?

– Bài ca dao a muốn nhắn gửi tới mọi người điều gì?

– Qua hình ảnh "Một cây chẳng thành rừng, cây một cành chẳng thành cây", bài ca dao b muốn nhắn nhủ điều gì tới mọi người?

– Qua bài ca dao c, cô gái Mông được so sánh với hình ảnh nào? Việc so sánh đó giúp chúng ta hình dung ra cô gái Mông như thế nào?

– Trong bài ca dao d, cô gái Mông đã thể hiện ước muốn gì trong tình yêu?

LUYỆN TẬP

1. Trong các câu tục ngữ ở mục 2.1, em thích câu nào nhất? Vì sao?

2. Theo em, các câu tục ngữ trên còn có ích với cuộc sống ngày nay không? Em chọn 1 hoặc 2 câu tục ngữ và phân tích rõ điều đó.

3. Bài ca dao b ca ngợi tình đoàn kết của con người. Em hãy tìm 1 bài ca dao của người Kinh cũng nói về điều này.

VẬN DỤNG

Em sưu tầm và ghi chép vào sổ tay một số câu tục ngữ và một số bài ca dao ở tỉnh Điện Biên theo các chủ đề đã tìm hiểu trong bài.



TÌM HIỂU THÊM

1. Một số câu tục ngữ của dân tộc Thái ở tỉnh Điện Biên

a) Nương tra hạt sớm quá tốt cỏ
Nương tra hạt muộn quá gặp nhiều mưa.

b) Lên thang xem bậc
Xuống núi xem đường.

c) Anh em ruột như đũa một đôi
Yêu thương nhau nghìn năm bền chặt.

2. Một số câu tục ngữ của dân tộc Mông ở tỉnh Điện Biên

a) Nương không cày (đất) không xốp
Người không khuyên không tỉnh.

b) Biết nói người ta yêu, người ta quý
Vụng nói người ta ghét, người ta giận.

c) Tình yêu tốt một thời
Vợ chồng tốt một đời.

d) Chặt cây phải xem cành khô
Nói năng cần nhìn trên dưới.

e) Gừng già gừng cay. Người già hiểu điều hay.

2 NHẠC CỤ TRUYỀN THỐNG CỦA MỘT SỐ DÂN TỘC TỈNH ĐIỆN BIÊN

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Trình bày được đặc điểm một số nhạc cụ truyền thống của một số dân tộc ở tỉnh Điện Biên.
- Nêu được vai trò, ý nghĩa một số nhạc cụ truyền thống trong đời sống tinh thần của một số dân tộc ở tỉnh Điện Biên.
- Nhận biết được âm sắc của một số nhạc cụ tiêu biểu của địa phương.
- Có thái độ tôn trọng, có hành vi giữ gìn nhạc cụ truyền thống của địa phương.

MỞ ĐẦU

– Xem clip biểu diễn của một số nhạc cụ truyền thống ở tỉnh Điện Biên.

– Kể tên các nhạc cụ được sử dụng trong clip mà em biết.

KIẾN THỨC MỚI

Ở tỉnh Điện Biên có nhiều loại nhạc cụ truyền thống mang đậm bản sắc của các dân tộc sinh sống nơi đây. Trong quá trình sinh sống và lao động, mỗi dân tộc đã sáng tạo ra những nhạc cụ riêng để phục vụ nhu cầu giải trí và giao lưu. Các nhạc cụ truyền thống của mỗi dân tộc góp phần tạo nên sự phong phú và đa dạng cho kho tàng nhạc cụ của tỉnh.

Các nhạc cụ truyền thống của tỉnh Điện Biên gồm đàn tính (tính tẩu), đàn nhị (xi xo lo), trống (cống), các loại pí (pí láo nọi, pí đôi, pí láo luông, pí thiu, pí tam lay, pí pặp,...) của dân tộc Thái; khèn của dân tộc Mông; sáo trúc, tiêu, đàn bầu (độc huyền cầm) của dân tộc Kinh; sáo mũi (pí tót), đàn môi, kèn lá của dân tộc Khơ Mú; đàn bầu cán dài hoặc ngắn (đàn tứ phề) của dân tộc Si La, đàn ba dây của dân tộc Hà Nhì; trống của dân tộc Dao,…

MỘT SỐ NHẠC CỤ TRUYỀN THỐNG Ở TỈNH ĐIỆN BIÊN

1. Đàn tính của dân tộc Thái

Nhạc cụ đặc trưng nhất của dân tộc Thái là đàn tính (tính tẩu), thuộc họ dây. Trong tiếng Thái, *tính* có nghĩa là đàn, *tẩu* là bầu (quả bầu). Đàn gồm các bộ phận: cần đàn, bầu đàn, mặt đàn, thủ đàn và dây đàn. Cần đàn làm bằng gỗ nhẹ mềm, thớ quánh. Thủ đàn cong hình lưỡi liềm hay hình con chim, gắn hai hoặc ba trục dây lên. Bầu đàn làm bằng vỏ quả bầu nậm già, tròn và dày đều. Mặt đàn thường làm bằng gỗ cây tầm vông hoặc gỗ quế xẻ mỏng khoảng 3mm. Trên mặt đàn có khoét 2 – 3 lỗ hình hoa thị để thoát âm. Dây đàn se bằng tơ tằm vuốt sáp ong hoặc dây cước. Đàn tính có loại 2 dây và loại 3 dây. Khi diễn tấu, các ngón kĩ thuật của người đánh đàn thường tập trung ở tay trái: trượt, vuốt, luyến, láy, rung và đặc biệt là kĩ thuật búng, gẩy tại chính nốt bấm cho hiệu quả âm thanh mềm mại. Đối với dân tộc Thái, tính tẩu là nhạc cụ chính, dùng để độc tấu, hoà tấu, đệm hát, múa như: hát dân ca, hát then, hát giao duyên. Các chàng trai dân tộc Thái vừa đàn tính tẩu vừa dùng nhạc cụ này để làm đạo cụ múa. Khi đệm hát, tính tẩu thường chơi giai điệu của lời ca. Trong nhạc múa, tính tẩu có những bài bản riêng.



Hình 2.1. Đàn tính của dân tộc Thái

2. Khèn của dân tộc Mông

Khèn (tiếng Mông gọi là Khềnh, Kềnh) vừa là nhạc cụ vừa là đạo cụ biểu diễn. Khèn Mông có ba bộ phận chủ yếu: bầu khèn được làm từ gỗ thông hoặc gỗ pơ-mu khoét rỗng, 6 ống khèn được làm ống trúc rỗng dài ngắn khác nhau và những chiếc lưỡi gà làm bằng đồng. Trên mỗi thân ống trúc nằm ngang có gắn một lưỡi gà nhỏ, bên ngoài ống trúc còn có lỗ chỉnh âm. Các ống khèn được gắn xuyên qua các lỗ tương ứng trên bầu kèn. Tác dụng của những chiếc lưỡi gà



Hình 2.2. Khèn của dân tộc Mông

là tạo nên âm thanh trầm bổng khi được lắp vào ống khèn. Khi thổi khèn, các ngón tay bịt hoặc mở các lỗ nhỏ trên các ống khèn sao cho đúng với giai điệu, âm vực và tốc độ của bài khèn.

Khèn có mặt ở mọi nơi trong đời sống tinh thần của cộng đồng dân tộc Mông từ tang ma, cưới hỏi, các phiên chợ, lễ hội dân gian, các hoạt động vui chơi giải trí đến các hoạt động tâm linh, tín ngưỡng truyền thống.

3. Trống của dân tộc Thái

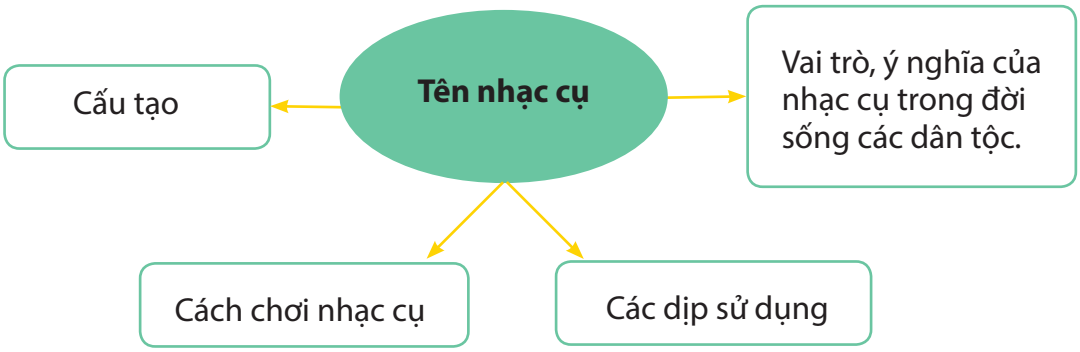
Người Thái gọi trống là cống, trống nhỏ là cống nọi, trống to là cống ộ. Một chiếc trống gồm mặt trống, thân trống, tai trống và dùi trống. Chiếc trống thông thường dài từ 1 – 1,3m, cũng có trống dài gần 2m. Mặt trống được làm bằng da trâu hoặc da bò đã được xử lí. Thân trống được làm bằng cây hoặc đoạn gỗ nguyên khối với chiều dài phù hợp, lấy lõi gỗ bên trong ra, chỉ để lại một lớp gỗ xung quanh phía ngoài mỏng đều từ 3 – 3,5 cm. Dùi trống được làm bằng loại gỗ khác với gỗ làm thân trống, phải là gỗ vừa nhẹ vừa bền nhưng lại chắc, đặc. Dùi trống dài từ 40 – 45cm, được làm nhẵn, nhỏ vừa tay cầm; một đầu to, tròn và có một phần lồi lên là đầu để gõ xuống mặt trống, còn lại đầu nhỏ, nhẵn, bằng nhau thì cầm để đánh. Bằng hai bàn tay khéo léo, người đánh trống cầm hai dùi và gõ trực tiếp lên mặt trống (hai tay gõ chéo nhịp chứ không phải đồng loạt cùng một nhịp). Người Thái thường dùng trống trong các cuộc vui như: lễ hội cầu mùa, cầu an, xên bản, xên mường, trong biểu diễn văn nghệ, đặc biệt là khi người Thái tổ chức xoè hay khi lên nhà mới, trống được kết hợp cùng với các nhạc cụ khác như chiêng, mák hính, chũm choẹ tạo thành âm thanh rất riêng của các nhạc cụ dân tộc Thái.



Hình 2.3. Trống (cống) của dân tộc Thái

Dựa vào thông tin trong bài, em hãy:

Trình bày đặc điểm đàn tính (dân tộc Thái), khèn (dân tộc Mông), trống (dân tộc Thái) theo gợi ý sau:



LUYỆN TẬP

1. Nghe nhạc

– Nghe/ xem clip một số bản nhạc độc tấu hoặc hoà tấu đàn tính tẩu của dân tộc Thái, khèn của người Mông.

– Nhận xét âm sắc của hai loại nhạc cụ này khi diễn tấu.

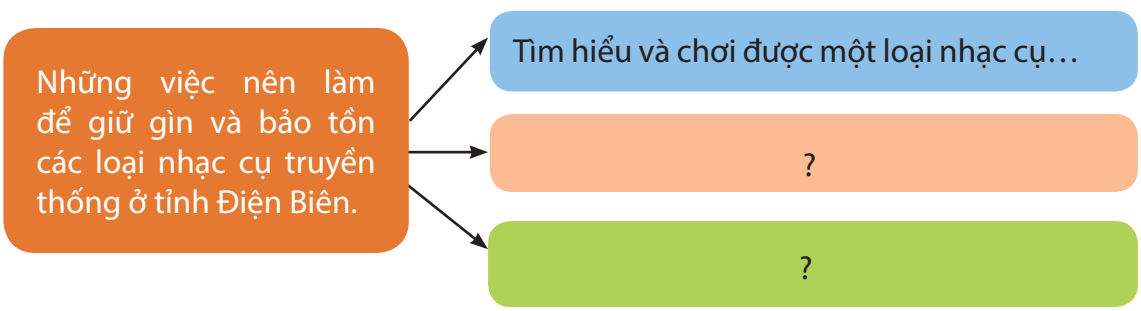
2. Chia sẻ với các bạn về một loại nhạc cụ truyền thống ở nơi em sinh sống.

(Gợi ý: tên nhạc cụ, cấu tạo, cách chơi nhạc cụ, các dịp sử dụng, ý nghĩa của nhạc cụ với đời sống của người dân tại địa phương)

VẬN DỤNG

1. Diễn tấu một loại nhạc cụ em biết hoặc hát một bài dân ca của dân tộc em.

2. Chia sẻ những việc em nên làm để giữ gìn và bảo tồn các loại nhạc cụ truyền thống ở tỉnh Điện Biên theo gợi ý:



3 TRANG PHỤC TRUYỀN THỐNG CỦA MỘT SỐ DÂN TỘC Ở TỈNH ĐIỆN BIÊN

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Nhận biết được trang phục truyền thống của một số dân tộc ở tỉnh Điện Biên.
- Phân biệt được một số đặc điểm về cấu trúc, hoa văn, màu sắc, chất liệu trang phục truyền thống trong đời sống tinh thần của một số dân tộc ở tỉnh Điện Biên.
- Có thái độ tôn trọng, có hành vi giữ gìn, phát triển trang phục truyền thống của địa phương.

MỞ ĐẦU

Quan sát tranh và cho biết đây là trang phục của dân tộc nào.



Hình 3.1



Hình 3.2

KIẾN THỨC MỚI

Tuy cùng sinh sống tại tỉnh Điện Biên nhưng mỗi dân tộc ở đây đều có trang phục riêng. Trang phục truyền thống của nam giới thường đơn giản, nhưng nữ phục lại luôn được thiết kế cầu kì từ kiểu cách đến hoa văn trang trí. Những màu sắc, đường nét hoa văn khác nhau trên mỗi trang phục như những đoá hoa rừng rực rỡ, làm phong phú thêm sắc màu văn hoá của cộng đồng các dân tộc vùng Tây Bắc. Trang phục mỗi dân tộc ngoài việc giúp đồng bào bảo vệ sức khoẻ, còn ẩn chứa nét riêng để làm đẹp và phân biệt, nhận diện giữa các dân tộc. Cách cắt may, hình dáng và hoạ tiết trên trang phục thể hiện rõ cá tính, nét độc đáo, không bị hoà lẫn của từng dân tộc. Trong bài học này, các em sẽ tìm hiểu trang phục của dân tộc Thái và dân tộc Mông.

TRANG PHỤC TRUYỀN THỐNG CỦA MỘT SỐ DÂN TỘC Ở TỈNH ĐIỆN BIÊN

1. Trang phục dân tộc Thái

1.1. Trang phục nữ

Dân tộc Thái sinh sống ở tỉnh Điện Biên được chia thành 2 ngành chính là Thái đen và Thái trắng. Trang phục nữ truyền thống của hai ngành dù có nhiều điểm tương đồng nhưng cũng có một số đặc điểm khác nhau để phân biệt. Các bộ phận của trang phục nữ Thái gồm: áo ngắn (xửa cỏm), áo dài (xửa chái và xửa luổng), váy (xỉn), thắt lưng (xai eo), khăn (piêu), nón (cúp), xà cạp (pe păn khạ), các loại hoa tai, vòng cổ, vòng tay, xà tích,…



Hình 3.3. Trang phục nữ ngành Thái đen



Hình 3.4. Trang phục nữ ngành Thái trắng

Nổi bật nhất trong trang phục nữ Thái là áo ngắn (xửa cỏm) và khăn (piêu). Áo ngắn của phụ nữ Thái trắng và Thái đen đều có thể dài hoặc ngắn tay, nhiều màu. Giữa thân trước có nẹp áo màu đen. Nổi bật trên nẹp đen là hàng cúc bạc hình bướm, một bên là bướm đực, một bên là bướm cái. Cổ áo nữ Thái trắng hình chữ V sâu dưới cổ. Cổ áo nữ Thái đen dáng cổ tàu, ôm sát cổ. Áo được may ôm sát thân người, khi mặc cho vào trong cạp váy đen, thắt lưng màu xanh tôn hình dáng thon thả của phụ nữ Thái. Trước đây, phụ nữ Thái dùng vải tự dệt nhuộm chàm để may váy áo. Ngày nay, có nhiều loại vải hơn như lụa, láng, nhung,...

Trong sắc phục của phụ nữ Thái, đặc biệt là người Thái đen, không thể thiếu khăn piêu. Khăn thường được làm từ vải sợi tự dệt của dân tộc Thái và được nhuộm màu chàm đen, hai đầu khăn sẽ được thêu hoa văn bằng chỉ màu các loại. Khăn piêu của người Thái trắng thêu hoa văn không cầu kì, không đính cút như khăn

piêu của người Thái đen. Nét hoa văn trên chiếc khăn piêu thể hiện sự khéo léo, tài hoa của người phụ nữ Thái được sáng tạo, đúc kết và truyền dạy qua bao thế hệ. Đối với các cô gái Thái, ngay từ lúc còn nhỏ (khoảng 8 – 10 tuổi) đã được các bà, các mẹ hướng dẫn cho từng đường kim mũi chỉ, cách pha chế màu sao cho hài hoà, hợp lí. Trong đời sống tinh thần và sinh hoạt của người Thái, khăn piêu mang nhiều ý nghĩa, giá trị khác nhau. Bên cạnh việc làm đẹp thêm cho bộ trang phục truyền thống, tăng thêm nét duyên dáng của người phụ nữ Thái, khăn piêu dùng để che nắng, che gió, giữ ấm về mùa đông, được coi như một món quà, một tín vật hay là nơi gửi gắm tâm tư, tình cảm của người con gái Thái.

1.2. Trang phục nam

Trang phục truyền thống nam giới dân tộc Thái gồm: áo, quần, thắt lưng và các loại khăn. Áo nam giới có hai loại: áo cánh ngắn và áo dài. Áo ngắn may bằng vải chàm, kiểu xẻ ngực, tay dài hoặc ngắn, cổ tròn. Khuy áo làm bằng đồng hay tết thành nút vải. Áo không có trang trí hoa văn, chỉ trong dịp trang trọng người ta mới thấy nam giới Thái mặc tấm áo cánh ngắn mới, lấp ló đôi quả chì ở đầu đường xẻ tà hai bên hông áo. Quần của nam giới dân tộc Thái xưa là quần dài chắp ống, vắt cạp sang hai bên rồi cải tiến thành quần dài màu chàm, dùng dây thắt cạp quần cho chắc.



Hình 3.5. Trang phục nam dân tộc Thái

2. Trang phục dân tộc Mông

2.1. Trang phục nữ

Người Mông cư trú ở hầu khắp các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên và được chia ra làm 5 ngành chính gồm: Mông đen (Mông đu), Mông trắng (Mông đơ), Mông hoa (Mông si), Mông đỏ (Mông lềnh), Mông xanh (Mông sua). Mọi người thường nhìn vào trang phục của phụ nữ Mông để phân biệt các ngành Mông.

Nhìn chung, phụ nữ dân tộc Mông thường mặc áo xẻ ngực không cài nút, gấu áo không may lại, có thể cho vào trong váy. Váy thường ngắn đến đầu gối, nhiều nếp gấp, rộng, khi xoè ra có hình tròn, khi đi váy đung đưa lượn sóng tạo dáng đi uyển chuyển. Các hoa văn, hoạ tiết trên trang phục của người Mông rất đa dạng có

sự phối kết hợp giữa các màu nóng, tạo cảm giác nổi bật, ấn tượng. Sự phối màu đan xen, thay đổi chất liệu bằng các mảng trơn (ghép vải), mảng nổi (thêu) hay các chi tiết khiến cho nghệ thuật trang trí trên trang phục của người Mông thật độc đáo và khác biệt so với một số các dân tộc khác.

Để có được những bộ trang phục như ý, người phụ nữ Mông đã cần mẫn trồng lanh, se sợi, dệt vải, vẽ sáp ong, sau đó nhuộm chàm rồi cắt may và thêu hoa cho váy áo. Phải mất hàng năm trời để hoàn thiện những bộ trang phục truyền thống từ loại sợi tự nhiên đặc biệt này.

Ngoài những đặc điểm chung, trang phục nữ của 5 ngành Mông còn có những điểm khác biệt về cắt may và hoa văn trang trí. Người Mông Đen có trang phục màu chàm và đen là chủ đạo; người Mông Trắng thường mặc váy trắng thô đính hạt cườm, hoặc quần màu thay vì mặc váy... Riêng trang phục của phụ nữ Mông Đỏ là rực rỡ hơn cả, bởi màu sắc chủ đạo là đỏ và hồng.

Trang phục truyền thống của phụ nữ Mông Đỏ có màu sắc rực rỡ và những nét hoa văn tinh tế, chỉ cần nhìn từ xa đã nhận diện được ngay. Trang phục gồm áo xẻ ngực, váy, tấm vải che phía trước váy, thắt lưng và xà cạp. Các đường viền trên váy áo được thêu rất cầu kì. Phía sau cổ áo là một bức thêu hình chữ nhật được trang trí hoa văn tỉ mỉ. Hai ống tay áo cũng được thêu hoa văn là những đường vằn ngang với đủ màu sắc. Bắt mắt nhất là chiếc váy hoa được thêu bằng chỉ màu đỏ, cam, hồng, tím… tạo nên những nét hoa văn, hình khối muôn hình muôn vẻ. Trang phục thể hiện sự khéo léo, sự cần cù, nhẫn nại của người phụ nữ Mông từ đời này qua đời khác.



Hình 3.6. Trang phục nữ ngành Mông đen



Hình 3.7. Trang phục nữ ngành Mông trắng



Hình 3.8. Trang phục nữ ngành Mông xanh



Hình 3.9. Trang phục phụ nữ ngành Mông đỏ



Hình 3.10. Trang phục phụ nữ ngành Mông hoa

2.2. Trang phục nam

Trang phục truyền thống của nam giới dân tộc Mông khá đơn giản với màu đen là chủ đạo. Trước đây, trang phục được may bằng vải lanh trải qua nhiều công đoạn chuẩn bị. Ngày nay, người dân sử dụng vải láng đen được bán sẵn.

Về quần trong trang phục nam các nhóm người Mông cơ bản giống nhau. Quần được may theo kiểu chân què, cạp rộng, đũng quần thấp. Khi mặc, cạp được gấp kéo sang một bên rồi dùng thắt lưng vải buộc lại cho chặt. Cạp quần được làm bằng một miếng vải lanh để tăng độ ma sát, khi buộc thắt lưng được chặt hơn. Quanh gấu áo được may thêm đường chỉ đỏ. Vì là quần đũng thấp, ống lại rộng nên khi mặc, quần của nam giới Mông có nét riêng, không pha trộn với bất kì dân tộc nào. Áo nam các nhóm Mông cũng có màu đen là chủ đạo nhưng lại được may và trang trí khác nhau. Áo nam người Mông Đen may theo kiểu xẻ ngực nhưng được may lửng chỉ che một phần ngực, còn một khoảng bụng từ gấu áo xuống tới cạp quần vẫn để hở do đó phải mặc một chiếc áo lót màu trắng bên trong dài hơn áo ngoài. Tay áo dài, phần gấu tay áo



Hình 3.11. Trang phục nam giới dân tộc Mông ngành Mông trắng ở tỉnh Điện Biên

có táp một miếng vải thêu bằng các loại chỉ màu. Viền 2 vạt áo và cổ áo được may bằng vải xanh hoặc đỏ. Một vạt áo được may dài hơn để cài khuy lệch sang 1 bên nách.

Áo nam người Mông Trắng trước đây được may bằng vải lanh, ngày nay cũng được may bằng vải láng đen. Áo cũng xẻ ngực, cổ áo bẻ 2 ve như áo sơ mi và được may 2 lớp vải. Áo của thanh niên được may thêm 4 túi, trên miệng túi được viền vải hoa. Áo người có tuổi có thể được may 2 túi 2 bên hoặc không có tuỳ vào sở thích từng người.

Dựa vào các thông tin trong bài, em hãy:

Trình bày một số đặc điểm về cấu trúc, màu sắc, hoa văn, chất liệu trang phục truyền thống của phụ nữ, nam giới dân tộc Thái, Mông ở tỉnh Điện Biên.

LUYỆN TẬP

1. Trang phục truyền thống của phụ nữ dân tộc Thái và dân tộc Mông có những đặc điểm nào khác biệt nhất? Em hãy chỉ ra nét khác biệt đó.

2. Trang phục truyền thống của dân tộc em có đặc điểm nào em thích nhất? Vì sao?

3. Em thường mặc trang phục truyền thống của dân tộc mình vào những dịp nào? Nêu cảm nghĩ của em khi mặc trang phục truyền thống của dân tộc mình.

VẬN DỤNG

Em chọn một trong hai nhiệm vụ sau:

– Vẽ tranh, sưu tầm tranh ảnh về trang phục các dân tộc ở tỉnh Điện Biên. Viết cảm nhận của em về vẻ đẹp của các trang phục đó.

– Chia sẻ một số việc nên làm và cách thực hiện để giữ gìn, bảo tồn và phát huy giá trị trang phục truyền thống của các dân tộc ở tỉnh Điện Biên.

TÌM HIỂU THÊM

Trang phục truyền thống của một số dân tộc khác ở tỉnh Điện Biên



Hình 3.12. Trang phục nữ dân tộc Lào



Hình 3.13. Trang phục nữ dân tộc Khơ Mú



Hình 3.14. Trang phục nữ dân tộc Hà Nhì

4 NHỮNG CHUYỂN BIẾN VỀ KINH TẾ, XÃ HỘI Ở TỈNH ĐIỆN BIÊN TỪ THẾ KỈ X – CUỐI THẾ KỈ XVIII

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Trình bày được tình hình chính trị của Điện Biên từ thế kỉ X – đến cuối thế kỉ XVIII.
- Nêu được những chuyển biến về kinh tế, xã hội ở Điện Biên từ thế kỉ X – đến cuối thế kỉ XVIII.
- Có nhận xét, đánh giá về chuyển biến kinh tế, xã hội ở Điện Biên.
- Có ý thức sưu tầm, tìm hiểu tư liệu lịch sử về Điện Biên từ thế kỉ X – đến cuối thế kỉ XVIII.

MỞ ĐẦU

Trong thời kì phong kiến độc lập, các triều đại phong kiến Đại Việt thi hành chính sách mở rộng đoàn kết dân tộc đối với vùng Tây Bắc. Tình hình chính trị, kinh tế, xã hội ở Điện Biên có nhiều chuyển biến. Đời sống nhân dân có phần được cải thiện, các hoạt động kinh tế được quan tâm. Tuy nhiên, đây cũng là thời kì quyền lực của tầng lớp trên trong xã hội Điện Biên được củng cố.

Em hãy kể tên một số thành tựu về kinh tế, xã hội mà nhân dân các dân tộc ở Điện Biên đạt được trong thời phong kiến còn lưu danh cho đến nay.

KIẾN THỨC MỚI

1. Tình hình chính trị

1.1. Về đơn vị hành chính

Thời Ngô, Đinh và Tiền Lê, tồn tại các đơn vị hành chính của thời kì trước. Thời Lý, Điện Biên (Mường Thanh) thuộc đạo Lâm Tây có tên gọi đất Đăng Châu. Thời Trần thuộc đạo Đà Giang. Đến năm 1397 đổi thành trấn Thiên Hưng.

Thời Lê sơ, Điện Biên thuộc trấn Gia Hưng, sau đổi thành châu Phục Lễ. Năm 1466, vua Lê Thánh Tông chia cả nước thành 12 đạo thừa tuyên, đạo thừa tuyên Hưng Hoá được thành lập gồm 3 phủ: Gia Hưng, Quy Hoá, An Tây. Điện Biên lúc đó thuộc phủ An Tây. Năm 1490, vua Lê Thánh Tông ban hành bản đồ trong cả nước, Điện Biên thuộc đạo thừa tuyên Hưng Hoá. Cuối thế kỉ XVIII, thời Lê Trung Hưng, đặt ra châu Ninh Biên thay cho tên gọi Mường Thanh thuộc phủ An Tây.

1.2. Tổ chức chính quyền địa phương

Thế kỉ XI, các chúa Lự cho xây dựng thành Sam Mứn ở phía Nam thung lũng Mường Thanh (nay thuộc bản Pom Lót, xã Sam Mứn, huyện Điện Biên) để chống lại các cuộc tấn công từ phương Bắc. Thành Sam Mứn trở thành thủ phủ của các đời chúa Lự cai quản đất Mường Thanh, là trung tâm chính trị, kinh tế của vùng đất này.



Hình 4.1. Phù điêu chì được khai quật tại di tích khảo cổ thành Sam Mứn



Hình 4.2. Lục lạc được khai quật tại di tích khảo cổ thành Sam Mứn



Hình 4.3. Thanh la được khai quật tại di tích khảo cổ thành Sam Mứn



Hình 4.4. Nhẫn được khai quật tại di tích khảo cổ thành Sam Mứn

Thế kỉ XIII, các chúa Thái đến đất Mường Thanh, văn hoá Thái ảnh hưởng tới văn hoá người Lự. Các chúa Thái dần nắm quyền thay chúa Lự cai quản Mường Thanh, đồng thời quy phục triều đình phong kiến Đại Việt. Tuy vậy, thành Sam Mứn vẫn là căn cứ chính của các chúa Thái.

Đầu thế kỉ XVIII, giặc Phẻ chiếm Mường Thanh, đóng quân trong thành Sam Mứn. Giữa thế kỉ XVIII, Hoàng Công Chất liên kết với các thủ lĩnh địa phương giải phóng vùng đất Mường Thanh và xây dựng thành Bản Phủ vững chắc, kiên cố hơn thành Sam Mứn.

– Từ thế kỉ X đến thế kỉ XVI, đơn vị hành chính của Điện Biên có sự thay đổi như thế nào?

– Nêu sự thay đổi về tổ chức chính quyền ở vùng đất Điện Biên từ thế kỉ X – XVIII.

2. Tình hình kinh tế, xã hội

2.1. Kinh tế

* Nông nghiệp

Đầu thế kỉ X, nhân dân các dân tộc ở Điện Biên ra sức khai phá đất hoang, mở rộng ruộng đồng, phát triển nông nghiệp. Tuy nhiên, việc canh tác ruộng nước, nương rẫy còn tuỳ thuộc vào điều kiện đất đai, nguồn nước.

Trong Dư địa chí của Nguyễn Trãi đã viết: *ở vùng đất ấy, đất thì đỏ, dính, màu mỡ, ruộng thì vào hạng hạ hạ (tức hạng cuối cùng). Trải qua nhiều thế kỉ nhưng nhìn chung tập quán canh tác của nhân dân địa phương ít có thay đổi.*

Bên cạnh trồng lúa nương, lúa nước, người dân đã biết triệt để tận dụng những nguồn lợi thiên nhiên, mỗi châu, huyện đều có sản vật riêng của mình. Cơ bản hoạt động kinh tế của người dân vẫn là tự cung, tự cấp là chính.

* Thủ công nghiệp và thương nghiệp

Các nghề thủ công có điều kiện được phát triển, chủ yếu là nghề dệt thổ cẩm truyền thống nhằm đáp ứng yêu cầu của nhân dân. Tuy các hoạt động buôn bán của địa phương chưa phát triển nhưng cũng có các lái buôn từ miền xuôi lên thu mua gỗ lạt và nhiều loại sản vật rừng...

Trong các thế kỉ X – XVIII, xã hội ở Điện Biên phân hoá rõ rệt. Giai cấp quý tộc thống trị là các tù trưởng người Thái, chúa Lự, Lang Cun, Lang Đạo người Mường… Giai cấp bị trị là đông đảo nông dân, họ sống phụ thuộc vào giai cấp thống trị.

– Kể tên một số nghề thủ công còn được lưu truyền đến ngày nay.

– Trong các thế kỉ X – XVIII, tình hình kinh tế và xã hội ở Điện Biên có sự chuyển biến như thế nào?

LUYỆN TẬP

1. Lập bảng hệ thống kiến thức về sự tình hình chính trị ở vùng đất Điện Biên từ thế kỉ X đến thế kỉ XVIII theo mẫu sau:

Nội dung	Thế kỉ X – XVI	Thế kỉ XVII – XVIII
Đơn vị hành chính	?	?
Tổ chức chính quyền	?	?

2. Nêu những nét chính về tình hình kinh tế, xã hội ở vùng đất Điện Biên từ thế kỉ X đến thế kỉ XVIII.

VẬN DỤNG

Thực hiện bài tập nhóm tìm hiểu về những dấu ấn kinh tế truyền thống Điện Biên thời phong kiến vẫn được duy trì và phát triển đến ngày nay.

TÌM HIỂU THÊM

CHÍNH SÁCH CỦA CHÍNH QUYỀN PHONG KIẾN TRUNG ƯƠNG ĐỐI VỚI ĐIỆN BIÊN

Ngay từ các triều Lê sơ, nhà vua đã áp dụng chính sách biến các tù trưởng dân tộc thiểu số thành những quan lại của triều đình. Những tù trưởng này được ân huệ - chức tước của triều đình - đứng đầu các địa phương của họ, cai trị dân theo cách thức, phong tục riêng; nhưng phải tuân theo pháp luật của triều đình Trung ương, hằng năm phải cống nộp lễ vật cho triều đình; thực hiện chế độ phu phen tạp dịch thời bình và huy động binh lính khi xảy ra chiến tranh.

"Một trong những biện pháp tích cực nhất góp phần ổn định tình hình Điện Biên là chính sách xếp đặt lại bộ máy hành chính địa phương, tuyển chọn những người có tài năng để đảm nhận công việc nặng nề của một phiên trấn còn chồng chất bao khó khăn trở ngại. Trong các chức quan địa phương thì " chức Trấn thủ ở các xứ do đặc chỉ ban ra" và có vai trò quan trọng vì nó tập trung toàn bộ quyền hành ở trong tay.

Điểm lại các viên Đốc trấn Điện Biên từ Đoàn Tuấn Hoà, Ngô Sách Tuân (cuối thế kỉ XVII), Nguyễn Công Hảng, Nguyễn Ngọc Huyền, Mai Thế Chuẩn (nửa đầu thế kỉ XVIII)... họ đều là những bậc đại khoa, những Nho thần có tài cai trị. Người thì "trừ đảng giặc dùng đại sách binh nhung, vỗ về thể nghiệm điều thánh hoá" như Ngô Sách Tuân, người thì "có tài về việc vỗ về dân chúng, chống cự lại bọn giặc cướp nên dân nơi biên giới được yên ổn làm ăn..." như Nguyễn Ngọc Huyền... Chính nhờ tài năng và sự mẫn cán của những viên quan này mà một dải biên cương luôn bị khuấy động, nhiễu loạn trước kia đã dần đi vào nền nếp và trở thành phên dậu vững chắc nơi biên giới phía bắc quốc gia Đại Việt".

5 NHỮNG CUỘC ĐẤU TRANH CHỐNG NGOẠI XÂM VÀ NỘI PHẢN CỦA NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN TỪ THẾ KỈ X – CUỐI THẾ KỈ XVIII

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Trình bày được những đóng góp của nhân dân các dân tộc Điện Biên trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm từ thế kỉ X đến thế kỉ XVIII.
- Biết đánh giá về vai trò của nhân vật lịch sử đối với quê hương Điện Biên.
- Trân trọng, tự hào những giá trị truyền thống của quê hương.

MỞ ĐẦU

Vùng đất Điện Biên xưa kia còn có tên gọi "Mường Thanh" – xuất phát từ chữ Mường Then theo tiếng dân tộc Thái nghĩa là Mường Trời, gắn với truyền thuyết thần thoại *Quả bầu mẹ* của người Thái. Mường Thanh thời cổ xưa được biết đến là một trung tâm quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hoá, ở đó cư trú tổ tiên của các dân tộc thuộc các nhóm ngôn ngữ dòng Nam Á. Trong nhiều thế kỉ, tinh thần đoàn kết các dân tộc chính là giá trị của lòng yêu nước, khiến mọi kẻ thù đều không thực hiện được âm mưu xâm lược nơi này.

Em hãy kể tên của một số cuộc đấu tranh từ thế kỉ X đến thế kỉ XVIII có sự tham gia nhân dân các dân tộc tỉnh Điện Biên? Theo em, sự tham gia của nhân dân tỉnh Điện Biên trong các cuộc đấu tranh đó có ý nghĩa gì đối với lịch sử dân tộc nói chung và vùng đất Điện Biên nói riêng?

KIẾN THỨC MỚI

1. Nhân dân Điện Biên tham gia chống ngoại xâm, bảo vệ vùng biên giới

Trong thời kì đầu phong kiến độc lập, vùng đất Điện Biên và cả Tây Bắc trở thành vùng đất "phên dậu" của Tổ quốc, góp phần giữ vững và bảo vệ vững chắc phía tây của nước Đại Việt.

Thế kỉ XI là thời kì hưng thịnh của người Lự ở Mường Thanh, các chúa Lự cho xây thành Sam Mứn (thành Tam Vạn) làm căn cứ chống lại các chúa đất phong kiến ở phương Bắc sang xâm lấn.

Các chúa Lự có thế lực kinh tế, có quan hệ bình đẳng và hữu nghị với các dân tộc khác cư trú xung quanh cánh đồng Điện Biên, nên đoàn kết được nhân dân đấu tranh chống phong kiến phương Bắc, góp phần bảo vệ quê hương, Tổ quốc.



Hình 5.1. Di tích của thành Tam Vạn ở bản Pom Lót, xã Sam Mứn, huyện Điện Biên

2. Các dân tộc tỉnh Điện Biên cùng triều đình Lê sơ chống nội phản

Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn chống giặc Minh xâm lược kết thúc thắng lợi, nhưng ở vùng Mường Lễ thuộc châu Ninh Viễn, đạo Thừa tuyên Hưng Hoá (nay thuộc hai tỉnh Điện Biên và Lai Châu).

Năm 1431, Đèo Cát Hãn làm phản ở vùng Tây Bắc, vua Lê Thái Tổ đã thân chinh đem quân lên Mường Lễ đánh quân phản nghịch Đèo Cát Hãn. Quân của triều đình được sự giúp đỡ của nhân dân châu Ninh Viễn, đã dẹp xong cuộc phản loạn vùng Tây Bắc, trên đường quay trở về, qua địa bàn xã Lê Lợi và xã Pú Đao, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu (nay là xã Lê Lợi, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu), vua đã khắc bài văn bia bằng chữ Hán lên vách đá núi Pú Huổi Chõ. Bia cách thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên 7 km về phía Tây Bắc.

Bài văn bia khẳng định công lao của vua Lê Thái Tổ và là minh chứng để khẳng định ý chí, quyết tâm giữ vững vùng biên ải xa xôi của nhân dân các dân tộc Điện Biên – Lai Châu.

3. Các dân tộc Điện Biên tham gia cùng nghĩa quân Hoàng Công Chất chống giặc Phẻ

Giữa thế kỉ XVIII, giặc Phẻ từ Bắc Lào và Vân Nam (Trung Quốc) tiến vào vùng đất Mường Thanh, chiếm thành Sam Mứn. Năm 1751, nghĩa quân Hoàng Công Chất kéo lên Hưng Hoá theo đường núi xây dựng căn cứ nghĩa quân ở động Mãnh Thiên, châu Ninh Biên (trung tâm Mường Thanh hiện nay). Từ năm 1754 đến năm 1769, nghĩa quân Hoàng Công Chất được đồng bào các dân tộc Điện Biên ủng hộ, nhanh chóng tiến đánh quân giặc Phẻ giành được thắng lợi, giết chết tên Phạ Chậu Tin Tòng, tàn quân Phẻ phải chạy ngược sông Nậm Rốm và Nậm Núa vượt sang biên giới Lào. Vùng đất Điện Biên được bảo vệ vững chắc.

Sau khi đánh tan quân giặc, Hoàng Công Chất phát triển lực lượng ra khắp miền Tây Bắc và thực hiện chia ruộng đất cho dân nghèo, đời sống nhân dân ngày càng no ấm, tinh thần đoàn kết giữa người Kinh và các dân tộc Tây Bắc được củng cố.



Hình 5.1. Thành Bản Phủ thuộc xã Noọng Hẹt, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên

– Các chúa Lự xây dựng thành Sam Mứn (Tam Vạn) để làm gì?

– Nhân dân châu Ninh Viễn (vùng Điện Biên – Lai Châu đã giúp vua Lê Thái Tổ dẹp bọn phản tặc Đèo Cát Hãn như thế nào?

– Nêu những thắng lợi của cuộc đấu tranh chống giặc Phẻ ở Điện Biên.

LUYỆN TẬP

1. Hoàn thành bảng hệ thống kiến thức về đấu tranh chống ngoại xâm và nội phản của nhân dân tỉnh Điện Biên theo mẫu sau:

Nội dung	Đấu tranh chống ngoại xâm và nội xâm ở các thế kỉ X – XVI	Đấu tranh chống ngoại xâm và nội xâm ở các thế kỉ XVII – XVIII
Kẻ thù	?	?
Mục đích	?	?
Lãnh đạo	?	?
Kết quả	?	?
Ý nghĩa	?	?

VẬN DỤNG

1. Sưu tầm các tư liệu và giới thiệu về một sự kiện gắn với bài học.

2. Đóng vai hướng dẫn viên du lịch, hướng dẫn khách tham quan Thành Bản Phủ ở Điện Biên.

TÌM HIỂU THÊM

Dưới thời vua Lê Dụ Tông, miền Tây Bắc bị giặc Phẻ từ Thượng Lào tràn vào xâm lược, cướp bóc, giết hại dân lành, sau đó, lại bị giặc Giẳng từ Vân Nam (Trung Quốc) kéo đến tranh giành và dồn giặc Phẻ vào khu vực "động Mãnh Thiên" (tiếng Thái gọi là Mường Then, tiếng phổ thông là Mường Thanh, tức trung tâm Điện Biên Phủ). Trước tình thế đó, thủ lĩnh của các dân tộc Thái tại Mường Thanh là Lò Văn Ngải, Lò Văn Khanh đứng lên tập hợp, lãnh đạo dân Mường Thanh chống giặc, song lực còn yếu, nghĩa quân chịu nhiều tổn thất, phải rút lên vùng núi cao bảo toàn lực lượng. Khi gặp nghĩa quân của Hoàng Công Chất (đang trên đường chuyển căn cứ lên Mường Thanh), các thủ lĩnh người Thái đã cầu cứu và Hoàng Công Chất đã đồng ý liên kết với quân của thủ lĩnh người Thái đánh đuổi, tiêu diệt giặc Phẻ, giải phóng Mường Thanh, bảo vệ miền biên giới Tổ quốc.

Sau đó, Hoàng Công Chất cho tiến hành xây dựng thành Chiềng Lề (nay gọi là thành Bản Phủ) từ năm 1758 đến năm 1762 để làm căn cứ cho nghĩa quân tại vị trí trung tâm cánh đồng Mường Thanh. Sử sách còn ghi, thành Chiềng Lề rộng 80 mẫu, dựa lưng vào dòng sông Nậm Rốm, có đường thành đắp bằng đất trồng tre gai, bên ngoài có hào rộng từ 4 – 5m, sâu 10m, thành cao 5m, mặt thành rộng 4 – 6m. Thành có 4 cửa: Tiền, hậu, tả, hữu. Ở mỗi cửa có đắp đồn cao, có vọng tiêu là nơi lính đóng. Giữa thành có phủ là nơi các thủ lĩnh nghĩa quân đóng.

6 NHỮNG THÀNH TỰU VĂN HOÁ TIÊU BIỂU Ở TỈNH ĐIỆN BIÊN TRONG CÁC THẾ KỈ X – XVIII

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Nêu được những thành tựu văn hoá tiêu biểu ở Điện Biên (X – XVIII);
- Đánh giá đóng góp của các dân tộc Điện Biên trong việc giữ gìn và phát triển những nét văn hoá đặc trưng của các dân tộc trong tỉnh;
- Phát hiện ra những nét văn hoá đặc trưng của các dân tộc Điện Biên và có những hành động để giữ gìn và phát huy những nét văn hoá đó.

MỞ ĐẦU

Điện Biên là vùng đất giàu bản sắc văn hoá - lịch sử. Trong các thế kỉ X – XVIII, mặc dù phải đấu tranh để bảo vệ quê hương, đấu tranh chống sự áp bức bóc lột, nhưng những nét văn hoá truyền thống độc đáo vẫn được nhân dân các dân tộc tỉnh Điện Biên gìn giữ và phát huy giá trị. Em hãy kể tên một số nét văn hoá truyền thống tín ngưỡng dân gian tiêu biểu ở tỉnh Điện Biên trong các thế kỉ X – XVIII mà em biết.

KIẾN THỨC MỚI

1. Tư tưởng, tín ngưỡng, tôn giáo

Trong các thế kỉ X – XVIII, tư tưởng Nho giáo cũng ảnh hưởng tới một số dân tộc ở Điện Biên như chế độ tộc trưởng, gia trưởng của người Mông, người Dao.

Đạo giáo mang khuynh hướng ma thuật với màu sắc tôn giáo, dùng bùa phép, bói toán, bùa chú và dùng cúng lễ để chữa bệnh, đuổi tà ma. Tín ngưỡng dân gian, trong đó phổ biến nhất là tín ngưỡng đa thần như: thờ thần sông, thần suối, thần rừng và tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên. Ngoài ra còn có tín ngưỡng thờ cúng xử ca của người Mông, tín ngưỡng thờ Then của người Thái trắng…



Hình 6.1.a. Lễ cầu mưa của dân tộc Khơ Mú



Hình 6.1.b Lễ hội cầu mưa của dân tộc Lô Lô

Hình 6.1. Tín ngưỡng dân gian của một số dân tộc ở Điện Biên vẫn được giữ gìn.

– Vì sao trong các thế kỉ X – XVIII, các tín ngưỡng dân gian được nhân dân Điện Biên giữ gìn và phát huy?

– Những tôn giáo nào có ảnh hưởng trong đời sống tinh thần của người dân Điện Biên?

2. Chữ viết và nghệ thuật dân gian

Chữ viết của dân tộc Thái có từ thế kỉ VI, đó là thứ chữ theo hệ Pali, Nam Ấn Độ. Chữ viết Thái cổ ra đời nhằm để ghi lại lịch sử bản mường, phong tục tập quán cùng những quan niệm về đạo lí làm người trong xã hội mà người Thái đã trải qua. Sách Thái cổ là một trong những tài sản quý giá của dân tộc Thái Điện Biên.

Về nghệ thuật dân gian phản ánh các hoạt động sản xuất và sinh hoạt thường ngày của người dân và nét hồn nhiên của con người Điện Biên. Trong các thế kỉ X – XVIII, nghệ thuật dân gian được lưu giữ, đặc biệt là nghệ thuật múa và âm nhạc cổ truyền của cư dân mang đậm tính dân gian.



Hình 6.2.a. Đặc sắc Tết Nào Pê Chầu ở tỉnh Điện Biên



Hình 6.2.b. Múa sạp trong lễ hội cầu mùa

Hình 6.2. Những nghệ thuật dân gian đặc sắc của các dân tộc Điện Biên được giữ gìn.

– Nêu lí do xuất hiện Chữ Thái cổ.

– Trình bày nét nổi bật trong nghệ thuật dân gian của các dân tộc ở Điện Biên trong các thế kỉ X – XVIII.

3. Văn học dân gian và văn học viết

Phần lớn các tác phẩm văn học dân gian của các dân tộc Điện Biên là văn vần và được diễn xướng hết sức chân thực và sinh động, nội dung phản ánh cuộc sống tinh thần, tâm linh của đồng bào các dân tộc nơi đây. Đặc biệt, truyện thần thoại, sử thi thường được kể trong những đám tang ma do các các thầy mo thể hiện, còn các bài dân ca quen thuộc vẫn được hát trong lễ hội sắc bùa của người Mường, lễ lồng tồng của người Tày, Nùng…

Người Thái là một dân tộc có ngôn ngữ và văn tự từ rất lâu đời, tổ tiên họ đã ghi chép lại được rất nhiều những sự kiện lịch sử, văn hoá, xã hội trong các tập sách như *Kể chuyện bản mường* (Quam tô mương), sách ghi lại *Những bước đường chinh chiến của ông cha* (Táy pú xớc), *Những lời răn dạy con người* (Quán xon cốn)…



Hình 6.3. Thầy then hát tiễn đưa các thần linh thầy của then về Mường Trời

– Em hãy nêu nét nổi bật về văn học ở Điện Biên trong các thế kỉ X - XVIII. Sự xuất hiện văn học viết ở Điện Biên nói lên điều gì?

LUYỆN TẬP

1. Lập bảng thống kê các thành tựu văn hoá của cư dân Điện Biên trong các thế kỉ X – XVIII theo mẫu sau:

Lĩnh vực	Thành tựu	Ý nghĩa
Tín ngưỡng	?	?
Tôn giáo	?	?
Văn học	?	?
Nghệ thuật	?	?

2. Vai trò của tín ngưỡng đối với đời sống cư dân ở Điện Biên trong các thế kỉ X – XVIII?

VẬN DỤNG

1. Tại sao khi các tôn giáo Đạo giáo, Phật giáo được du nhập vào nước ta lại được một số dân tộc ở vùng cao Điện Biên tiếp thu?

2. Hãy sưu tầm và giới thiệu một nét đặc sắc trong văn hoá ở địa phương trong các thế kỉ X – XVIII ở Điện Biên. Làm thế nào để lan toả những giá trị của văn hoá đó?

TÌM HIỂU THÊM

HỘI HẠN KHUỐNG CỦA NGƯỜI THÁI ĐIỆN BIÊN

Hội thường được tổ chức sau vụ thu hoạch vào tháng 11 hằng năm. Hội Hạn khuống do bên gái tổ chức thực ra là một cuộc vui để tìm hiểu bạn đời sau đó chia tay về nhà chồng. Chính vì vậy, Hạn khuống đã để lại biết bao kỉ niệm và ấn tượng đẹp của một thời trẻ trung sôi nổi. Khi nói đến Hạn khuống, người Thái nghĩ ngay đến nơi hò hẹn – giao duyên bằng những lời ca thắm tình của nam nữ thanh niên Thái, một nét sinh hoạt văn hoá cổ xưa của người Thái. Hạn khuống làm cho trai Mường, gái bản Thái thêm yêu cuộc sống, yêu lao động sản xuất, gần gũi với thiên nhiên, vì văn hoá của người Thái cũng bắt đầu từ tình yêu cuộc sống, bắt đầu từ phong tục, tập quán sinh hoạt của một tộc người luôn gắn bó với núi rừng.

LỄ MỪNG CƠM MỚI CỦA NGƯỜI SI LA TỈNH ĐIỆN BIÊN

Lễ mừng cơm mới của đồng bào Si La thường được tổ chức từ cuối tháng 8 đến đầu tháng 9 (khoảng tháng 8 âm lịch) là thời gian vụ lúa đầu mùa bắt đầu chín và được tổ chức vào ngày Thìn hoặc ngày Tý. Theo quan niệm của người Si La, trong suốt quá trình sản xuất của gia đình và dòng họ luôn có sự che chở của tổ tiên, ông bà, cha mẹ. Vì vậy, khi con cháu trong dòng họ dùng những nông sản đó không được quên ơn những người lớp trước đã truyền đạt lại kinh nghiệm sản xuất.

Người Si La sẽ lấy những hạt lúa chín đầu tiên của vụ mùa về cúng tổ tiên trước khi thu hoạch. Lễ mừng cơm mới là một trong những nghi lễ đặc trưng tiêu biểu không chỉ được tổ chức tại mỗi gia đình trưởng dòng họ riêng, mà tất cả các dòng họ trong bản đều tổ chức.

Gia đình trưởng dòng họ có bàn thờ và trưởng họ thường là người thay mặt cho cả dòng họ làm các thủ tục trong các nghi lễ cúng bái. Sau các nghi lễ cúng mời tổ tiên, các gia đình trong họ sẽ đến dự bữa cơm mừng cơm mới tại nhà trưởng dòng họ... Lễ mừng cơm mới của người Si La kết thúc trong tiếng nói cười và những lời chúc tụng nhau trong bữa cơm liên hoan của gia chủ.

Mọi người ai cũng vui mừng trước thành quả của một vụ mùa bội thu và tin tưởng rằng sẽ rồi đây cuộc sống của họ sẽ còn rất nhiều cuộc vui như thế. Lễ mừng cơm mới là một nghi thức nông nghiệp chứa đựng nhiều yếu tố văn hoá tích cực và là một phần quan trọng trong ý thức của đồng bào Si La – Điện Biên".

(Địa chí tỉnh Điện Biên)

TẾT NÀO PÊ CHẦU

Nào pê chầu (nghĩa là ăn tết), đây là Tết của người Mông ở bản Nậm Pọng, xã Mường Đăng, huyện Mường Ảng sau đó mở rộng sang các bản của người Mông ở tỉnh Điện Biên. Nào pê chầu là tết tạ ơn tổ tiên, trời đất đã phù hộ cho dân bản có sức khoẻ tốt, mùa màng bội thu và mọi điều may mắn trong năm vừa qua. Các gia đình chuẩn bị Tết từ 25 tháng Chạp đến 30 tháng Chạp. Chiều ngày 30 Tết, Lễ lập và thay bàn thờ xử ca được tiến hành vì người Mông coi trọng ma xử ca, đó là ma có nhiệm vụ cai quản của cải, tiền bạc, phù hộ cho gia đình làm ăn khá giả. Trong những ngày Nào pê chầu diễn ra (khoảng 4 – 5 ngày), ngoài việc tế lễ, mọi người trong bản không kể tuổi tác, giới tính dưới sự chỉ đạo, tổ chức của trưởng bản tập hợp đông đủ tại sân bãi để tham gia các trò chơi dân gian như đánh tù lu (cù), ném pa pao, hoặc các tiết mục văn nghệ như hát ống (cha xái), thổi khèn (tsua kênh), múa khèn (tờ kênh), thổi sáo (tsua cha), thổi đàn môi (tsua chà) thu hút hầu hết mọi người rất nhiệt tình tham gia. Tết Nào pê chầu góp phần

khẳng định quá trình tồn tại, phát triển của người Mông, phản ánh ước nguyện về một cuộc sống yên bình, no đủ của cộng đồng, thể hiện tình đoàn kết cộng đồng và lòng hiếu khách của người dân Nậm Pọng và các bản người Mông ở tỉnh Điện Biên. Với những giá trị đặc sắc mà người dân còn lưu giữ và thực hành, Tết Nào pê chầu đã được Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục di sản văn hoá phi vật thể quốc gia theo Quyết định số 1877/QĐ-BVHTTDL ngày 08 – 6 – 2015.

(Theo http://www.dienbien.gov.vn)

ĐỊA LÍ, KINH TẾ, HƯỚNG NGHIỆP

7 DÂN CƯ TỈNH ĐIỆN BIÊN

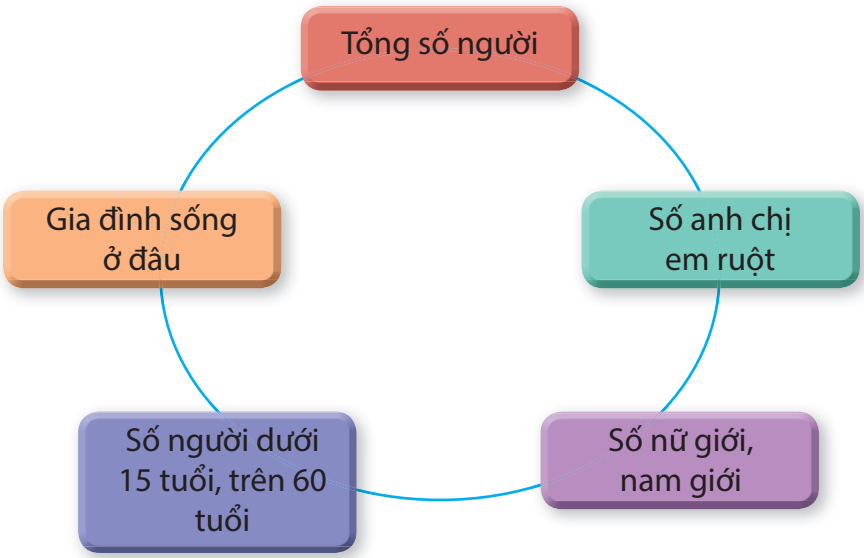
Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Trình bày được các đặc điểm cơ bản về dân cư tỉnh Điện Biên.
- Nêu được những thuận lợi, hạn chế của dân cư địa phương.
- Nêu được một số biện pháp giải quyết các vấn đề về dân cư của tỉnh.
- Sử dụng được bản đồ, số liệu thống kê, biểu đồ để nhận xét, phân tích về đặc điểm dân cư của tỉnh.

MỞ ĐẦU

Tỉnh Điện Biên có 19 dân tộc cùng sinh sống, xây dựng và phát triển kinh tế – xã hội. Dân cư là một trong những động lực để phát triển kinh tế địa phương. Vậy dân cư tỉnh Điện Biên có những đặc điểm gì nổi bật và tác động như thế nào đến sự phát triển kinh tế của tỉnh?

– Chia sẻ một số thông tin về gia đình mình theo gợi ý sau:

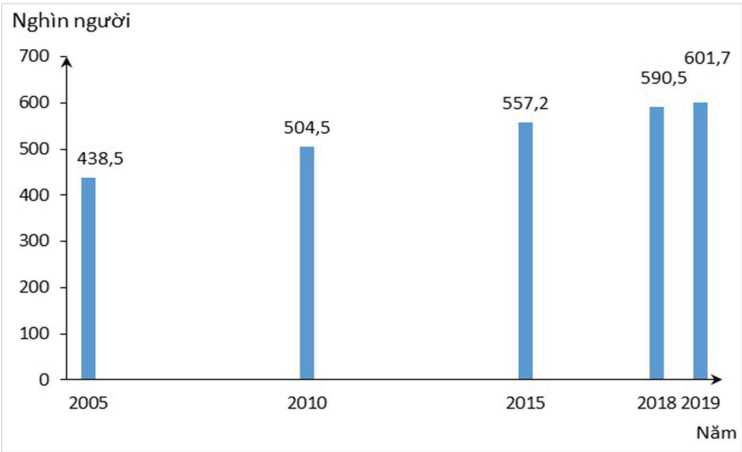


– Cho biết các thông tin trên thể hiện đặc điểm nào về dân cư của một địa phương.

KIẾN THỨC MỚI

1. Dân số và tình hình gia tăng dân số

Điện Biên là tỉnh có quy mô dân nhỏ (năm 2019, dân số trung bình của tỉnh chỉ chiếm 0,64% dân số toàn quốc, xếp thứ 11 trong vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, thứ 58 trong tổng số 63 tỉnh, thành cả nước).



Hình 7.1. Dân số trung bình của Điện Biên, giai đoạn 2005 – 2019

Tỉ lệ tăng dân số tự nhiên đã giảm nhưng vẫn còn cao, năm 2019 là 1,4%; cao hơn nhiều tỉ lệ chung của cả nước (cả nước là 1,0%), cao thứ 6 trong cả nước, cao nhất trong Vùng Trung du và miền núi phía Bắc. Đặc điểm này đã giúp cho tỉnh đảm bảo được nguồn lao động, thị trường để phát triển kinh tế. Tuy nhiên, sự gia tăng dân số tự nhiên không phù hợp với tốc độ phát triển kinh tế của tỉnh đã gây sức ép đến công tác giải quyết việc làm, giáo dục, y tế; gây ra ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên,...

Bảng 7.1. Tỉ lệ tăng dân số tự nhiên của Điện Biên qua các năm [1]

Năm	2005	2010	2015	2018	2019
Tỉ suất sinh thô (‰)	25,9	24,2	23,9	22,3	21,0
Tỉ suất chết thô (‰)	7,1	7,4	7,2	6,6	7,0
Tỉ lệ tăng dân số tự nhiên (%)	1,88	1,68	1,67	1,57	1,4

Dựa vào hình 7.1 và bảng 7.1, nhận xét về dân số trung bình và tỉ suất sinh thô, tỉ suất chết thô, tỉ lệ tăng dân số tự nhiên của tỉnh Điện Biên qua các năm.

[1] *Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Điện Biên năm 2019*

2. Cơ cấu dân số

Theo giới tính: Điện Biên có tỉ số giới tính của dân số (số nam/100 nữ) năm 2019 là 104,3, cao hơn nhiều so với mức bình quân cả nước (cả nước là 99,1). Trong cơ cấu dân số theo giới tính, tỉ lệ dân số nam luôn cao hơn dân số nữ và ngày càng tăng.

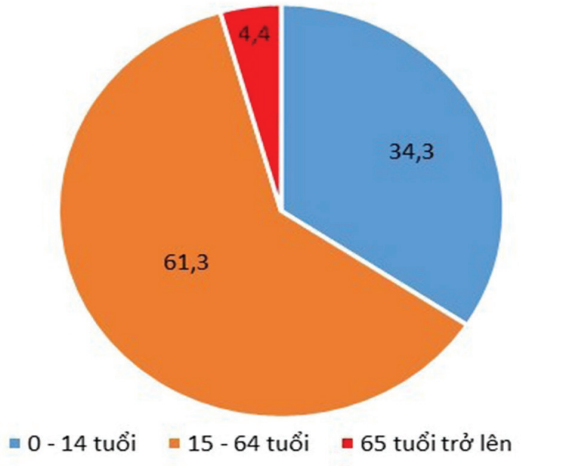
Bảng 7.2. Cơ cấu dân số theo giới tính của Điện Biên qua một số năm (đơn vị: %)

Năm	2005	2010	2015	2018	2019
Dân số nam	50,14	50,03	50,41	50,62	50,7
Dân số nữ	49,86	49,97	49,59	49,38	49,3

Cơ cấu dân số theo độ tuổi

Điện Biên có cơ cấu dân số trẻ: tỉ lệ nhóm 0 – 14 tuổi cao, nhóm trên 65 tuổi rất thấp. Đây là điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển kinh tế với lực lượng lao động dồi dào, nguồn lao động dự trữ lớn. Nhưng cũng đặt ra những áp lực về giải quyết việc làm, giải quyết các vấn đề xã hội (giáo dục, y tế,...).

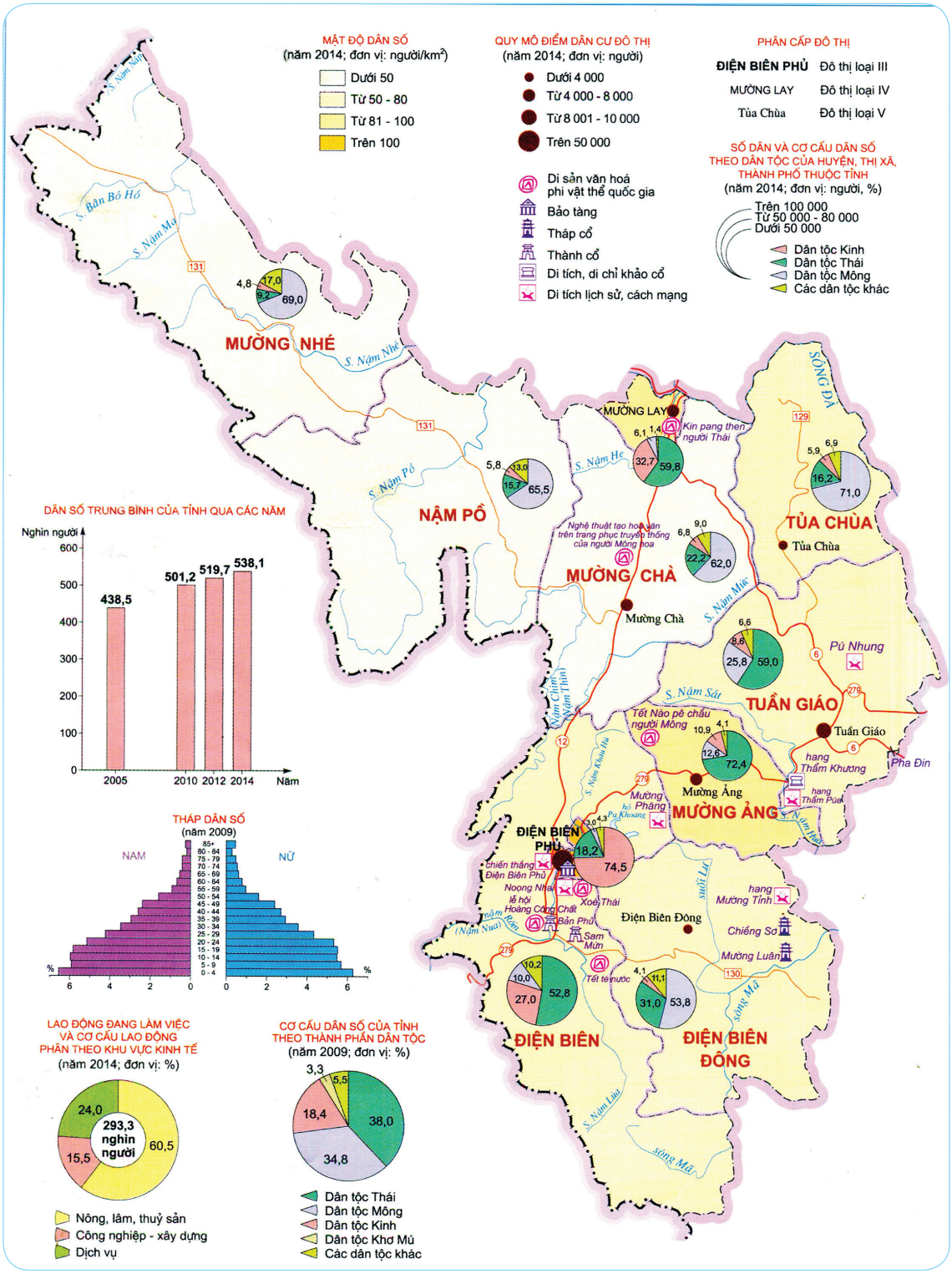
Dựa vào bảng 7.2 và hình 7.2, nhận xét cơ cấu dân số theo giới tính và theo tuổi của tỉnh Điện Biên.



Hình 7.2. Cơ cấu dân số theo tuổi của tỉnh Điện Biên năm 2019

3. Phân bố dân cư

Mật độ dân số của Điện Biên là 63,1 người/km^2 (2019), thấp hơn nhiều mức bình quân của Vùng trung du miền núi phía Bắc (132 người/km^2) và cả nước (291 người/km^2). Điện Biên là một trong những tỉnh có mật độ dân số thấp nhất cả nước (chỉ cao hơn Kon Tum, Lai Châu). Dân cư phân bố không đều giữa các thành phố, thị xã và huyện, chủ yếu tập trung ở vùng thấp, trong các thung lũng, các dải cánh đồng dọc theo các sông suối. Vùng sâu, vùng xa, dân cư hết sức thưa thớt. Điều này đã dẫn đến việc sử dụng lao động lãng phí (nơi thừa, nơi thiếu) và khai thác tài nguyên không hợp lí giữa các địa phương trong tỉnh.



Hình 7.3. Bản đồ địa lí dân cư tỉnh Điện Biên

Quan sát bản đồ địa lí dân cư tỉnh Điện Biên (hình 7.3), xác định:

– Các huyện, thị xã, thành phố có mật độ dân số cao.

– Các huyện có mật độ dân số thấp.

– Mật độ dân số ở huyện, thị xã, thành phố nơi em sinh sống.

4. Đô thị hoá

Nhìn chung, mức độ đô thị hoá ở Điện Biên còn chậm. Tỉ lệ dân thành thị thấp và thấp hơn bình quân cả nước nhiều (năm 2019, tỉ lệ dân thành thị của cả nước là 35,05%).

Bảng 7.3. Cơ cấu dân số theo thành thị và nông thôn của Điện Biên, giai đoạn 2015 – 2019 (Đơn vị: %)

Năm	2005	2010	2015	2018	2019
Dân thành thị	14,53	14,48	14,44	14,41	14,39
Dân nông thôn	85,47	85,52	85,56	85,59	85,61

Dân cư thành thị tập trung chủ yếu ở thành phố Điện Biên Phủ, số còn lại tập trung ở các trung tâm huyện và thị xã. Năm 2019, tỉnh Điện Biên có 1 đô thị loại III (thành phố Điện Biên Phủ), 1 đô thị loại IV (Thị xã Mường Lay) và các đô thị loại V.

Mạng lưới đô thị của tỉnh tiếp tục được mở rộng, từng bước hoàn chỉnh phù hợp với giai đoạn phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân. Trong thời gian sắp tới, các đô thị sẽ tiếp tục được đầu tư, phát triển, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.



Hình 7.4. Một góc Thành phố Điện Biên Phủ hôm nay



Hình 7.5. Một góc thị xã Mường Lay

Quan sát hình 7.3 và bảng 7.3

– Nhận xét về sự thay đổi tỉ lệ dân thành thị qua các năm của Điện Biên.

– Xác định trên bản đồ các đô thị của tỉnh.

5. Một số biện pháp về dân số

Tỉnh Điện Biên tiếp tục đẩy mạnh công tác Dân số - Sức khoẻ sinh sản để nâng cao chất lượng dân số, giảm tỉ lệ sinh tiến tới duy trì mức sinh thay thế, giảm tỉ lệ sinh con thứ 3, khống chế tăng tỉ số giới tính khi sinh, cải thiện tình trạng sức khoẻ sinh sản, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới. Các mục tiêu, biện pháp được chú trọng như:

- Tiếp tục đẩy mạnh giảm tỉ suất sinh, đáp ứng đầy đủ nhu cầu dịch vụ kế hoạch hoá gia đình của người dân, tăng khả năng tiếp cận dịch vụ hỗ trợ sinh sản có chất lượng.
- Duy trì, ổn định tỉ số giới tính khi sinh.
- Nâng cao sức khoẻ, giảm bệnh tật và tử vong cho trẻ em. Nâng cao sức khoẻ bà mẹ.
- Cải thiện sức khoẻ sinh sản của người chưa thành niên và thanh niên.
- Tăng cường chăm sóc sức khoẻ người cao tuổi.
- Phân bố dân số phù hợp với định hướng phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.
- Tăng cường lồng ghép các yếu tố về dân số vào hoạch định chính sách, xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội ở các cấp, các nghành;…

Đọc thông tin mục 5 và hiểu biết của bản thân, em hãy nêu một số biện pháp đẩy mạnh công tác dân số và phát triển của tỉnh.

LUYỆN TẬP

1. Vẽ sơ đồ thể hiện đặc điểm dân cư của tỉnh Điện Biên theo các nội dung gợi ý sau:

– Dân số và gia tăng dân số

– Cơ cấu dân số

– Phân bố dân cư

– Đô thị hoá.

2. Sắp xếp các ô thông tin phù hợp vào bảng thể hiện thuận lợi, hạn chế của đặc điểm dân cư đến sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.

Sử dụng lao động chưa hợp lí

Góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân

Đảm bảo nguồn lao động, thị trường để phát triển kinh tế

Tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

Khai thác tài nguyên chưa hợp lí giữa các địa phương

Áp lực về giải quyết việc làm, giáo dục, y tế,...

Bảng thông tin:

Đặc điểm dân cư	Thuận lợi	Hạn chế
Tỉ lệ tăng dân số tự nhiên vẫn còn cao	?	?
Cơ cấu dân số trẻ	?	?
Phân bố dân cư không đều	?	?
Mạng lưới đô thị mở rộng	?	?

VẬN DỤNG

1. Liệt kê các nội dung giáo dục về dân số mà em biết hoặc đã tham gia trong nhà trường và tại nơi em đang sống.

Bổ sung các nội dung giáo dục về dân số khác.

a Giáo dục giới tính, sức khoẻ sinh sản và tình dục vị thành niên

b Giáo dục các quy định của pháp luật về hôn nhân, các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác dân số – sức khoẻ sinh sản.

c Tuyên truyền giảm tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

d Tuyên truyền giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh.

e Tuyên truyền bình đẳng giới.

f Tuyên truyền về chống bạo lực gia đình, bạo lực học đường.



Hình 7.6. Sinh hoạt ngoại khoá về giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh tại trường Trung học cơ sở xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ

2. Tìm hiểu và chia sẻ về một số đô thị của tỉnh Điện Biên.

8 MỘT SỐ DÂN TỘC CHỦ YẾU Ở TỈNH ĐIỆN BIÊN

Học xong chủ đề này, em sẽ:

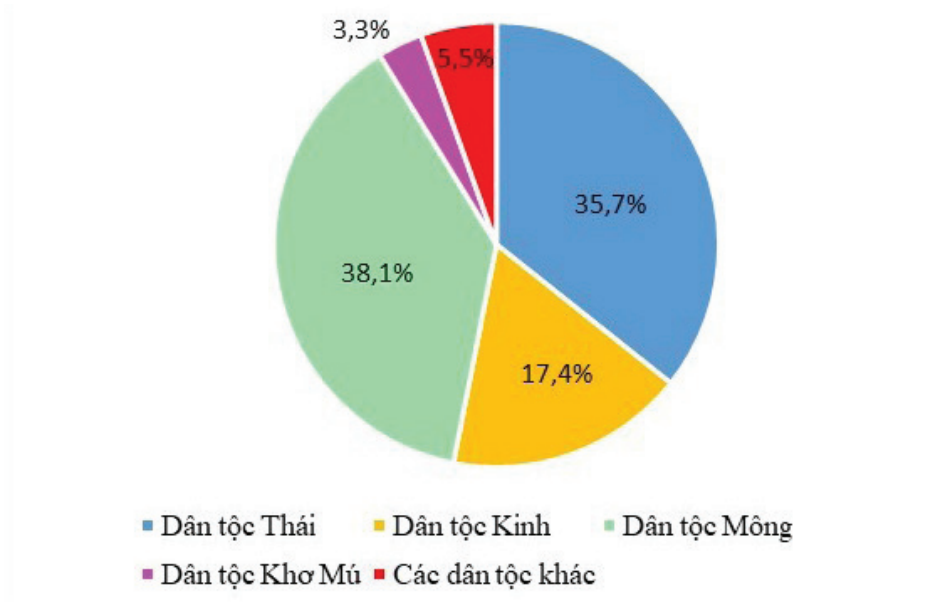
- Kể tên được các thành phần dân tộc ở tỉnh Điện Biên.
- Nêu được sự phân bố và hoạt động sản xuất chính của một số dân tộc chủ yếu ở tỉnh Điện Biên.
- Sưu tầm được tư liệu về các dân tộc của tỉnh.

MỞ ĐẦU

Kể tên các dân tộc cùng sinh sống trên địa bàn tỉnh Điện Biên mà em biết.

KIẾN THỨC MỚI

Tỉnh Điện Biên có nhiều dân tộc anh em cùng sinh sống đoàn kết, gắn bó với nhau. Trong đó, có một số dân tộc chủ yếu, chiếm tỉ lệ cao trong tổng dân số của tỉnh, đó là: dân tộc Mông, Thái, Kinh, Khơ Mú.



Hình 8.1. Cơ cấu các thành phần dân tộc của tỉnh Điện Biên năm 2019

Dân tộc Mông: phân bố ở hầu hết các huyện, tập trung đông nhất ở huyện Mường Nhé, Mường Chà, Điện Biên Đông, Tủa Chùa, Tuần Giáo, Mường Ảng. Dân tộc Mông có dân số đông nhất trong tỉnh. Nguồn sống chính là làm nương rẫy trồng ngô, lúa; một số nơi có ruộng bậc thang, ngoài ra còn trồng lanh lấy sợi và trồng cây dược liệu, hoa màu, có nghề thủ công rèn đúc phát triển từ rất sớm.



Hình 8.2. Lò rèn của người Mông ở xã Sính Phình (Huyện Tủa Chùa)

Dân tộc Thái: sinh sống ở hầu hết các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh; tập trung đông nhất ở huyện Điện Biên, Tuần Giáo, Mường Ảng. Người Thái có nhiều kinh nghiệm đắp phai, đào mương, làm ruộng,... Lúa nước là nguồn lương thực chính. Ngoài ra, người Thái cũng làm nương để trồng lúa, ngô, hoa màu,... Nghề chăn nuôi gia súc, gia cầm, đan lát, dệt vải rất phát triển, sản phẩm nổi tiếng là vải thổ cẩm, chăn, đệm…



Hình 8.3 Thêu dệt thổ cẩm của dân tộc Thái ở bản Mển, xã Thanh Nưa (huyện Điện Biên)

Dân tộc Khơ Mú: cư trú đông nhất ở huyện Tuần Giáo, Điện Biên, Điện Biên Đông, Mường Chà. Kinh tế chủ yếu làm nương rẫy và một phần lúa nước, nghề đan lát phát triển như: đan cót, ghế mây, thúng, mẹt, nia. Bản cư trú thường cách xa nhau, nhỏ bé, ít dân.



Hình 8.4. Người Khơ Mú ở huyện Tuần Giáo

Dân tộc Dao: sinh sống chủ yếu ở huyện Mường Nhé, Tủa Chùa. Nguồn sống chính là trồng lúa nương và ruộng nước, trồng hoa màu. Các nghề thủ công phát triển như dệt vải, rèn, mộc, làm giấy… Ngoài ra, họ còn chăn nuôi gia súc, gia cầm.



Hình 8.5. Người Dao ở Huổi Só, huyện Tủa Chùa

Chia sẻ về sự phân bố và hoạt động sản xuất chính của một số dân tộc chủ yếu sinh sống trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

TT	Tên các dân tộc	Phân bố	Các hoạt động sản xuất chính
1	?	?	?

LUYỆN TẬP

Lấy ví dụ chứng minh nhận định: tỉnh Điện Biên có thành phần dân tộc đa dạng đã tạo điều kiện cho tỉnh phát triển nhiều ngành kinh tế.

VẬN DỤNG

Sưu tầm tư liệu và giới thiệu về các dân tộc khác ở Điện Biên.

Tên các dân tộc	Phân bố	Các hoạt động sản xuất chính	Đời sống văn hoá đặc sắc
?	?	?	?

TÌM HIỂU THÊM

CÁC DÂN TỘC SINH SỐNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐIỆN BIÊN

TT	Dân tộc	Số người (người)	TT	Dân tộc	Số người (người)
1	Mông	228.279	11	Tày	1.683
2	Thái	213.714	12	Mường	1.292
3	Kinh	104.061	13	Cống	1.145
4	Khơ Mú	19.785	14	Nùng	908
5	Dao	6.659	15	Thổ	273
6	Kháng	5.224	16	Phù Lá	247
7	Lào	5.152	17	Si La	243
8	Hà Nhì	4.555	18	Sán chay	182
9	Hoa	2.911	19	Các dân tộc khác	258
10	Xinh Mun	2.285			

(Nguồn: Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2019, Nhà xuất bản Thống kê, 2020).

9 MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM VỀ XÃ HỘI Ở TỈNH ĐIỆN BIÊN

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Trình bày được một số đặc điểm về xã hội ở tỉnh Điện Biên.
- Nêu được một số biện pháp đẩy mạnh giải quyết việc làm của tỉnh.
- Sử dụng được số liệu thống kê, biểu đồ để nhận xét về đặc điểm xã hội.

MỞ ĐẦU

Nguồn lao động của tỉnh Điện Biên có những thế mạnh và hạn chế nhất định, đây là nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế. Trong thời gian qua, tỉnh đã có nhiều biện pháp giải quyết việc làm và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

Lựa chọn từ, cụm từ phù hợp thể hiện thế mạnh hoặc hạn chế của nguồn lao động ở địa phương (hay trong nước).

Dồi dào	Tăng lên	Tỉ lệ thất nghiệp còn cao
Thiếu công nhân lành nghề	Đã qua đào tạo	Cần cù, sáng tạo
Lao động có trình độ vẫn còn thấp	Tiếp thu nhanh khoa học – kĩ thuật	Có kinh nghiệm

Thế mạnh	Hạn chế

KIẾN THỨC MỚI

1. Nguồn lao động

Tỉnh Điện Biên có nguồn lao động khá dồi dào, chiếm hơn 50% dân số của tỉnh. Số lượng lực lượng lao động của Điện Biên ngày càng tăng. Năm 2019, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên toàn tỉnh là hơn 352,6 nghìn người.

Bảng 9.1. Lực lượng lao động và tỉ lệ lao động đã qua đào tạo của tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2015 – 2019[1]

	2015	2016	2017	2018	2019
Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên (nghìn người)	319,6	328,0	336,2	344,5	352,6
Tỉ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo (%)	21,2	22,4	23,7	25,0	26,3

Chất lượng nguồn lao động ngày càng được cải thiện nhưng vẫn còn chậm. Năm 2019, tỉ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo đạt 26,3%. Tỉnh luôn quan tâm, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, đội ngũ trí thức về công tác tại địa phương. Cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng giảm lao động nông nghiệp, tăng lao động công nghiệp, dịch vụ. Tỉ lệ lao động làm việc trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thuỷ sản năm 2020 giảm còn 57,8% (giảm 7,02% so với năm 2015); lĩnh vực công nghiệp và xây dựng tăng lên 15,6% (tăng 3,2 % so với năm 2015); thương mại và dịch vụ tăng lên 25,7% (tăng 4% so với năm 2015)[2]. Sự chuyển dịch phù hợp với tình hình phát triển kinh tế của tỉnh.



Hình 9.1. Công nhân Công ty Cổ phần Xi măng Điện Biên trong giờ sản xuất

[1] *Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Điện Biên năm 2019*

Dựa vào bảng 9.1 và các thông tin, em hãy:

– Nhận xét lực lượng lao động và tỉ lệ lao động đã qua đào tạo của tỉnh Điện Biên.

– Trình bày đặc điểm về nguồn lao động của tỉnh.

2. Vấn đề việc làm

Vấn đề việc làm luôn được tỉnh Điện Biên quan tâm. Năm 2019, tỉ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi là 0,47%, trong đó khu vực thành thị là 3,15%; khu vực nông thôn là 0,04%; tỉ lệ thiếu việc làm của lực lượng lao động trong độ tuổi là 3,49%, trong đó khu vực thành thị 1,58%; khu vực nông thôn 3,79%. Đây là một trong những thách thức cần giải quyết để có thể nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, đặc biệt là tại các xã, thị trấn thuộc vùng khó khăn. Vấn đề giải quyết việc làm ở Điện Biên trong thời gian qua đạt được kết quả khá, trong giai đoạn 2016 – 2020, tỉnh đã giải quyết việc làm mới cho 45.030 lao động, bình quân 9.006 lao động/năm.



Hình 9.2. Học nghề tại tỉnh Điện Biên

Tỉnh Điện Biên đã thực hiện nhiều biện pháp để đẩy mạnh giải quyết việc làm cho người lao động. Đó là:

[2] *Theo: Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Điện Biên tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kì 2020-2025*

Đẩy mạnh phát triển các ngành kinh tế của tỉnh, cụ thể là chuyển dịch cơ cấu ngành nghề trong nông nghiệp; tiếp tục thu hút đầu tư thúc đẩy phát triển nhiều ngành công nghiệp như sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp chế biến, đặc biệt là chế biến nông, lâm sản; chú trọng khôi phục và phát triển các ngành tiểu thủ công nghiệp truyền thống có ưu thế; phát triển các ngành dịch vụ, nhất là dịch vụ du lịch và thương mại.

Đẩy mạnh đào tạo nghề, nâng cao chất lượng nguồn lao động: liên kết các cơ sở đào tạo với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh; nâng cao trình độ cho người lao động trong lĩnh vực nông, lâm, thuỷ sản.

Phát triển nguồn vốn, phát huy hiệu quả sử dụng vốn cho vay giải quyết việc làm, xoá đói giảm nghèo: cho người lao động vay vốn với lãi suất ưu đãi; ưu tiên cho các cơ sở sản xuất kinh doanh vừa và nhỏ, sử dụng nhiều lao động và các dự án phát triển các vùng chuyên canh, các trang trại chăn nuôi, trồng trọt,… vay vốn để tạo việc làm mới, ổn định cuộc sống.

Ngoài ra, tỉnh còn đẩy mạnh công tác tư vấn, giới thiệu việc làm; thông tin và tuyên truyền về thị trường lao động; hoạt động xuất khẩu lao động;…

Nêu tình hình việc làm và biện pháp đẩy mạnh giải quyết việc làm của tỉnh.

3. Chất lượng cuộc sống

Trong thời gian qua, chất lượng cuộc sống của dân cư tỉnh Điện Biên đang được cải thiện và nâng lên về mọi mặt (thu nhập, giáo dục, y tế,...). Thu nhập bình quân đầu người tăng, năm 2015 là 1.214.000 đồng/tháng, đến năm 2019 đạt 1.583.000 đồng/tháng. Tuổi thọ trung bình của dân cư tăng, đến năm 2019 là 67,8 tuổi. Tỉ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết chữ có xu hướng tăng nhưng còn chậm, năm 2015 là 75,1%, đến năm 2018 đạt 75,4%.



Hình 9.3. Học nghề tại huyện Tuần Giáo tỉnh Điện Biên



Hình 9.4. Trường Trung học cơ sở Thanh Xương, huyện Điện Biên tỉnh Điện Biên

Để đảm bảo chất lượng cuộc sống của dân cư, đồng thời với việc đẩy mạnh phát triển kinh tế, các lĩnh vực xã hội cũng được chú trọng. Chất lượng giáo dục, đào tạo từng bước được cải thiện. Mạng lưới trường, lớp được sắp xếp, bố trí lại phù hợp với yêu cầu đổi mới của ngành giáo dục và sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.



Hình 9.5. Khám chữa bệnh tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên



Hình 9.6. Trung tâm Y tế huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên

Ngoài ra, công tác giải quyết việc làm, xây dựng đời sống văn hoá, đảm bảo trật tự, an ninh; bảo vệ môi trường,... cũng được chú trọng đã góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của dân cư.

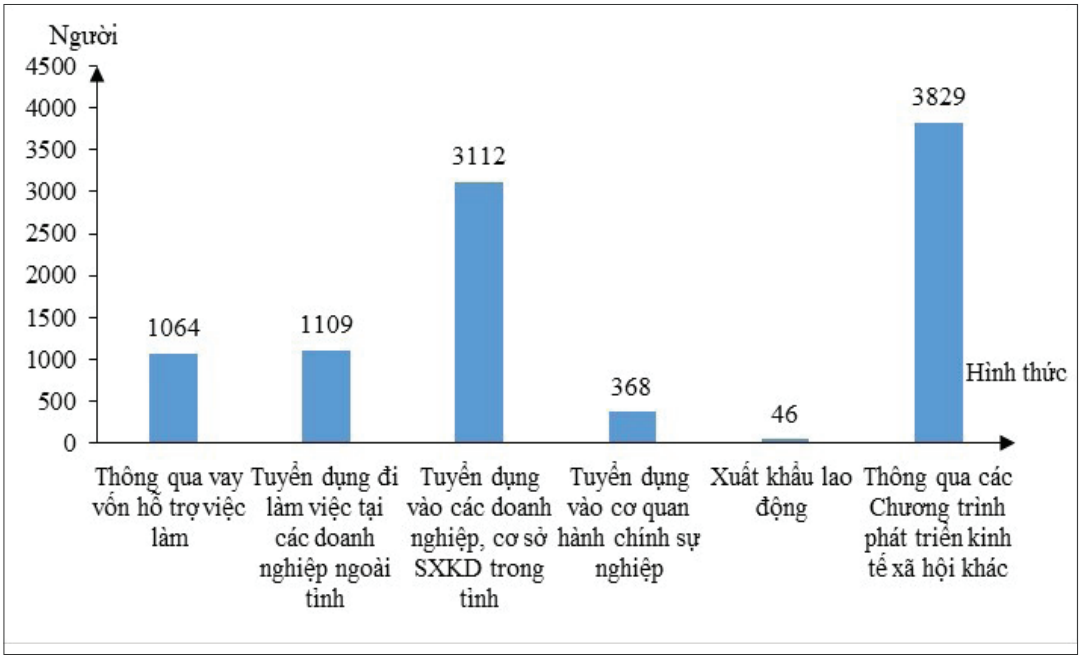
Nêu một số ví dụ để chứng minh chất lượng cuộc sống của người dân tỉnh Điện Biên ngày càng được nâng lên.

LUYỆN TẬP

Dựa vào biểu đồ hình 9.7, hãy:

– Liệt kê các hình thức giải quyết việc làm mới cho người lao động tỉnh Điện Biên.

– Nhận xét về số lao động được giải quyết việc làm mới ở tỉnh Điện Biên.



Hình 9.7. Một số hình thức giải quyết việc làm mới cho người lao động tỉnh Điện Biên năm 2018

(Nguồn: Báo cáo kết quả thực hiện công tác giải quyết việc làm năm 2018 trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Sở Lao động và Thương binh xã hội tỉnh Điện Biên)

VẬN DỤNG

Tìm hiểu và chia sẻ thông tin về các biện pháp nâng cao chất lượng nguồn lao động và giải quyết việc làm tại địa phương nơi em đang sinh sống.

10 KHÁI QUÁT NỀN KINH TẾ TỈNH ĐIỆN BIÊN

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Nêu được các tiềm năng phát triển kinh tế của tỉnh Điện Biên.
- Trình bày được đặc điểm khái quát về kinh tế của tỉnh Điện Biên.
- Sử dụng được số liệu, biểu đồ để trình bày đặc điểm kinh tế.
- Vẽ được biểu đồ thể hiện cơ cấu kinh tế theo ngành của tỉnh.

MỞ ĐẦU

Liệt kê các thông tin ở cột K và W theo bảng "KWL" về chủ đề kinh tế tỉnh Điện Biên như sau:

Tỉnh Điện Biên đã thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với bối cảnh và xu hướng trong từng giai đoạn. Nền kinh tế của tỉnh đã đạt được những kết quả tích cực. Tuy nhiên, tỉnh vẫn còn tồn tại những yếu kém và hạn chế cần khắc phục để thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

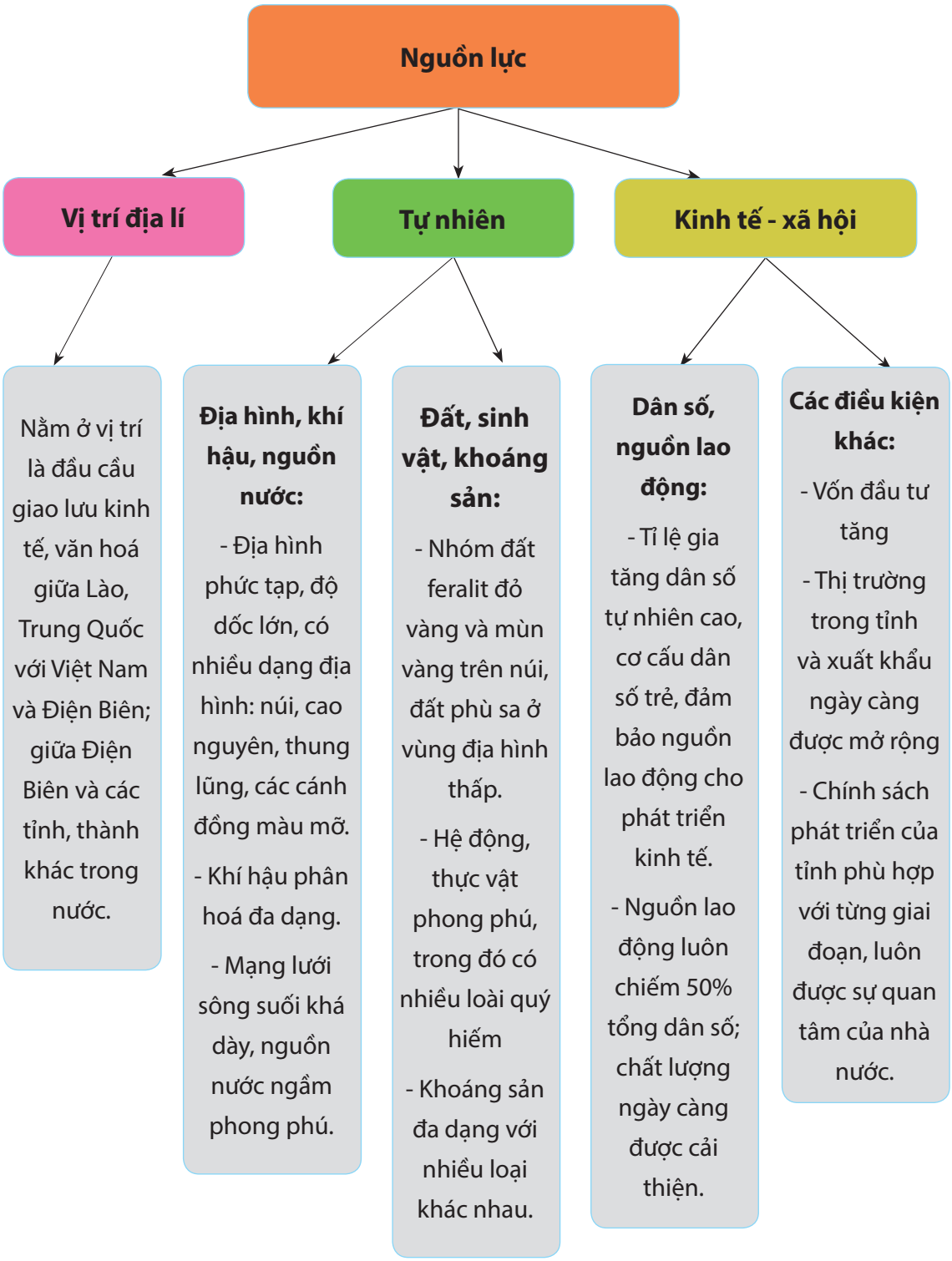
Em hãy nêu hiểu biết của bản thân về nền kinh tế của tỉnh Điện Biên theo gợi ý:

– Một số ngành kinh tế tiêu biểu của tỉnh.

– Thế mạnh để phát triển các ngành kinh tế đó.

KIẾN THỨC MỚI

1. Các tiềm năng phát triển kinh tế



Hình 10.1. Tiềm năng phát triển kinh tế của tỉnh Điện Biên

Dựa vào hình 10.1 và hiểu biết của mình, liệt kê các tiềm năng phát triển kinh tế của tỉnh. Lấy ví dụ cụ thể của mỗi tiềm năng.

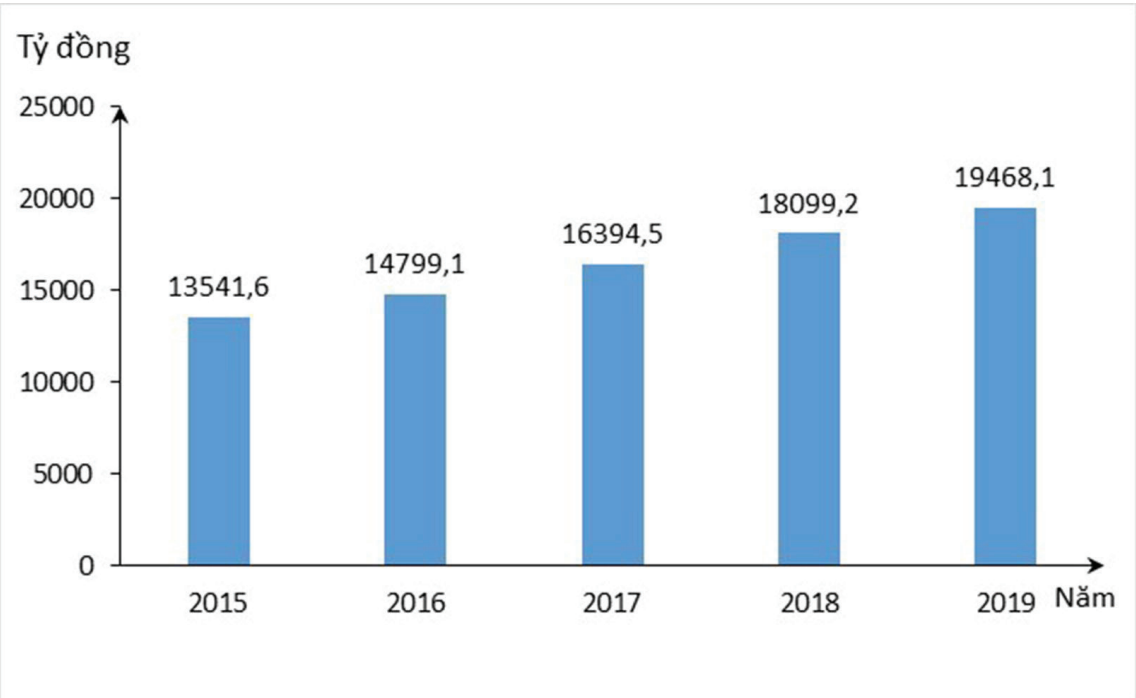
2. Đặc điểm khái quát

Nền kinh tế của Điện Biên đã đạt được những kết quả quan trọng. Kinh tế tiếp tục tăng trưởng và phát triển; tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2016 – 2020 ước đạt 6,83%/năm, cao hơn bình quân cả nước (năm 2016, tốc độ tăng trưởng bình quân cả nước là 6,21%, năm 2020 là 2,91%). Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tăng liên tục, năm 2020 đạt 20.056 tỉ đồng.

Bảng 10.1. Tốc độ tăng GRDP của tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2015 – 2020[1]

(đơn vị: %)

	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Tốc độ tăng tổng sản phẩm	6,89	6,28	6,87	6,51	7,20	7,25



Hình 10.2. Tổng sản phẩm trên địa bàn (theo giá hiện hành) của tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2015 – 2019[2]

[1] *Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kì 2020-2025*

[2] *Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Điện Biên năm 2019*

Cơ cấu kinh tế của tỉnh tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, các mô hình kinh tế được chuyển đổi theo hướng xác định sản phẩm chủ lực của từng ngành, từng lĩnh vực để tập trung nguồn lực đầu tư nhằm nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững các sản phẩm.

Bảng 10.2. Cơ cấu kinh tế theo ngành của tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2015 – 2019

(Đơn vị: %)

Năm	Nông, lâm nghiệp và thuỷ sản	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm
2015	21,45	18,94	54,90	4,71
2016	20,38	18,65	56,47	4,50
2017	18,78	19,15	57,65	4,42
2018	17,88	19,35	58,34	4,43
2019	17,24	19,01	59,31	4,44

Các ngành kinh tế có đặc điểm phát triển khác nhau. Ngành nông, lâm và thủy sản tiếp tục được quan tâm đầu tư, duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định, tái cơ cấu ngành, chú trọng chất lượng, hiệu quả và bền vững; đẩy mạnh phát triển các ngành có lợi thế như: sản xuất lúa chất lượng cao, chè, cà phê, rau và quả an toàn, cây ăn quả; chăn nuôi trâu bò; trồng rừng và cây dược liệu có giá trị;... Ngành công nghiệp tiếp tục phát triển với giá trị sản lượng ngày càng tăng; các ngành công nghiệp chủ yếu của tỉnh là chế biến nông, lâm sản; sản xuất vật liệu xây dựng; cơ khí, sản xuất và phân phối điện,... Các ngành dịch vụ được đẩy mạnh nhằm phục vụ sản xuất và đời sống của người dân, nhất là ngành thương mại, giao thông vận tải, du lịch,.....

Tuy nhiên, nền kinh tế của tỉnh còn có một số hạn chế, yếu kém, như: tăng trưởng kinh tế chưa bền vững, sức cạnh tranh thấp, phụ thuộc nhiều vào đầu tư từ ngân sách nhà nước. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chưa vững chắc, sản xuất nông nghiệp chưa tương xứng với tiềm năng về điều kiện tự nhiên; công nghiệp chế biến nông sản và các dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp còn chậm phát triển; thu hút đầu tư từ các thành phần kinh tế còn hạn chế; một số chương trình, dự án trọng điểm chưa được Trung ương cân đối, bố trí nguồn lực để thực hiện; kết cấu hạ tầng kinh tế – xã hội còn thiếu đồng bộ, nhất là hạ tầng giao thông, đô thị.

Dựa vào bảng số liệu, biểu đồ và các thông tin, trình bày đặc điểm khái quát kinh tế của tỉnh

LUYỆN TẬP

Dựa vào bảng 10.2, em hãy:

– Vẽ biểu đồ hình tròn thể hiện cơ cấu kinh tế theo ngành của tỉnh Điện Biên năm 2015 và năm 2019.

– Nhận xét sự thay đổi cơ cấu kinh tế theo ngành của tỉnh từ năm 2015 đến năm 2019.

VẬN DỤNG

Sưu tầm hình ảnh, tư liệu,… và chia sẻ về một ngành kinh tế (nông, lâm, thuỷ sản hoặc công nghiệp hoặc dịch vụ) mà em quan tâm của tỉnh Điện Biên.

TÌM HIỂU THÊM

Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2016 – 2020 ước đạt 6,83%/năm, cao hơn bình quân cả nước (năm 2016, tốc độ tăng trưởng bình quân cả nước là 6,21%, năm 2020 là 2,91%). Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) năm 2020 đạt 20.056 tỉ đồng.

Cơ cấu kinh tế theo ngành phản ánh trình độ phát triển kinh tế của một tỉnh. Những tỉnh có kinh tế phát triển thường có tỉ trọng dịch vụ và công nghiệp cao, tỉ trọng nông nghiệp thấp.

Tổng thu ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 – 2020 đạt 55.257 tỉ đồng; trong đó, thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 5.794,01 tỉ đồng, năm 2020 đạt 1.249,94 tỉ đồng, tăng gấp 1,44 lần so với năm 2015. Tổng chi ngân sách nhà nước 05 năm đạt 54.998 tỉ đồng (đạt 108%); tốc độ tăng chi bình quân giai đoạn 2016 – 2020 khoảng 8%/năm; cơ cấu chi trong cân đối thay đổi tích cực.

11 LỰA CHỌN NGHỀ NGHIỆP PHÙ HỢP VỚI CÁC NGÀNH NGHỀ Ở ĐỊA PHƯƠNG

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Trình bày được đặc trưng của một số ngành nghề chính ở địa phương.
- Phân tích được một số đặc điểm của bản thân phù hợp hoặc chưa phù hợp với công việc của nghề nghiệp mà em yêu thích ở địa phương.
- Có ý thức và xây dựng được kế hoạch rèn luyện bản thân để phù hợp với nghề nghiệp yêu thích ở địa phương.

MỞ ĐẦU

Kể tên một số nghề nghiệp phổ biến ở tỉnh Điện Biên mà em biết.

KIẾN THỨC MỚI

1. Điện Biên là tỉnh có lợi thế về các ngành nghề thuộc lĩnh vực nông, lâm nghiệp

Trong 5 năm (2016 – 2020), cơ cấu sản xuất nông, lâm nghiệp tỉnh Điện Biên đã chuyển dịch tích cực theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả gắn với nhu cầu thị trường.

Cây trồng	Sản lượng (tấn)	Ghi chú
Lúa	91.062	Đạt 102,86% kế hoạch
Ngô	394.025	Đạt 101,88% kế hoạch
Cà phê	22.345	Đạt 46,74% kế hoạch
Chè búp	373	
Mủ cao su	6.775	Đạt 66,66% kế hoạch

Bảng 11.1. Sản lượng cây trồng giai đoạn 2016 – 2020 của tỉnh Điện Biên

Về nuôi trồng và khai thác thuỷ sản trên địa bàn tỉnh được duy trì, phát triển tốt; diện tích nuôi trồng thuỷ sản tăng nhanh từ 2.072 ha năm 2015 lên đến 2.630 ha vào năm 2020 đạt 126,74% kế hoạch. Tổng sản lượng thuỷ sản giai đoạn 2016 – 2020 ước đạt 15.710 tấn, đạt 120,46% kế hoạch.

Về lâm nghiệp, tỉnh Điện Biên đã thực hiện tốt công tác quản lí, bảo vệ và phát triển rừng gắn với chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng. Giai đoạn 2016 – 2020, các địa phương trong tỉnh đã tổ chức trồng rừng tập trung được 4.471 ha, đạt 30,09% kế hoạch.



Hình 11.1. Trồng rừng và chăm sóc rừng

– Nêu một số đặc trưng của các ngành nghề thuộc lĩnh vực nông, lâm nghiệp ở tỉnh Điện Biên trong những năm gần đây?

– Kể tên các ngành nghề có lợi thế phát triển thuộc lĩnh vực nông, lâm nghiệp tỉnh Điện Biên.

2. Điện Biên là tỉnh có tiềm năng phát triển các ngành nghề công nghiệp dịch vụ, du lịch,…

Về công nghiệp, giá trị sản xuất công nghiệp giai đoạn 2016 – 2020 ước đạt 12.848,5 tỉ đồng, tăng trưởng bình quân đạt 5,7%/năm (trong đó năm 2020 ước đạt 2 818,28 tỉ đồng tăng 1,32 lần so với năm 2015) tập trung chủ yếu vào các ngành có tiềm năng như: thuỷ điện, khai thác khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp chế biến nông sản. Giai đoạn 2016 – 2020, toàn tỉnh đã đưa vào vận hành khai thác 7 dự án thuỷ điện, 29 điểm mỏ khai thác khoáng sản.

Tỉnh Điện Biên tiếp tục duy trì, khôi phục và phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống (dệt, may trang phục thổ cẩm, mây tre đan, đồ gỗ mĩ nghệ, …). Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 07 làng nghề, trên 2.600 cơ sở kinh tế cá thể và hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp.

Hoạt động du lịch của tỉnh Điện Biên phát triển nhanh, đã hình thành các sản phẩm du lịch đặc trưng, đa dạng, phong phú có chất lượng. Giai đoạn 2016 –2020, toàn tỉnh đã đón trên 3 triệu lượt khách, tăng gấp 1,5 lần so với giai đoạn 2011 – 2015, tăng trưởng trung binh 12%/năm; tổng thu nhập từ du lịch ước đạt 4.768 tỉ đồng, tăng gấp 2,34 lần giai đoạn 2011 – 2015.

– Nêu một số đặc trưng của các ngành nghề thuộc lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, du lịch ở tỉnh Điện Biên trong những năm gần đây?

– Kể tên các ngành nghề có tiềm năng phát triển thuộc lĩnh vực công nghiệp; dịch vụ, du lịch tỉnh Điện Biên.

LUYỆN TẬP

1. Ở địa phương nơi em sống, có lợi thế hoặc tiềm năng phát triển những ngành nghề nào?

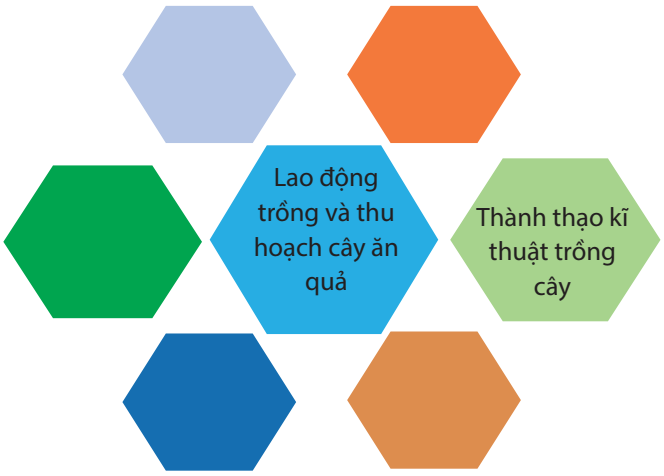
2. Liệt kê các nghề nghiệp của những người xung quanh em.

– Tên nghề nghiệp;

– Đóng góp của nghề nghiệp đó đối với gia đình và địa phương.

2. Lựa chọn 1 nghề nghiệp và chia sẻ về những đặc điểm về phẩm chất, kĩ năng cần có của người làm công việc này.

Gợi ý:



3. Giới thiệu nghề nghiệp yêu thích của bản thân theo gợi ý dưới đây:



VẬN DỤNG

Xây dựng kế hoạch rèn luyện của bản thân phù hợp với nghề nghiệp yêu thích theo các bước gợi ý dưới đây:

Bước 1: Liệt kê các yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn nghề nghiệp em yêu thích trong tương lai (học lực, hoàn cảnh gia đình...).

Bước 2: Lập danh sách những việc em cần làm để rèn luyện những phẩm chất, kĩ năng cần có của nghề nghiệp em yêu thích.

Bước 3: Học, rèn luyện các kĩ năng, phẩm chất cần thiết cho nghề nghiệp em yêu thích.

12 XÂY DỰNG NẾP SỐNG VĂN HOÁ TRONG CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Nêu được một số hoạt động, phong trào xây dựng nếp sống văn hoá trong cộng đồng dân cư ở tỉnh Điện Biên.
- Nêu được ý nghĩa của việc xây dựng nếp sống văn hoá trong cộng đồng dân cư ở tỉnh Điện Biên.
- Thực hiện được trách nhiệm của học sinh trong việc tham gia xây dựng nếp sống văn hoá ở cộng đồng.

MỞ ĐẦU

Hãy nói về thông điệp của mỗi bức tranh dưới đây?



Hình 12.1.



Hình 12.2.

KIẾN THỨC MỚI

1. Xây dựng nếp sống văn hoá trong cộng đồng dân cư ở tỉnh Điện Biên

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi:

Điện Biên: Đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư

Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" tại các địa phương trong tỉnh thời gian qua được triển khai thực hiện lồng ghép với các phong trào thi đua yêu nước, các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh, đặc biệt là Chương trình Mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới. Phong trào được triển khai, thực hiện hiệu quả, tác động tích cực tới nhiều mặt của đời sống xã hội, đáp ứng nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân.



Hình 12.3. Phụ nữ xã Quài Nưa (huyện Tuần Giáo) được tham gia tập huấn nâng cao năng lực đời sống văn hoá do Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tổ chức cuối tháng 10 vừa qua.

Đoàn kết xây dựng nếp sống văn hoá, kỉ cương pháp luật, các tầng lớp nhân dân trong tỉnh đã tuân thủ các quy định của pháp luật; đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống; không vi phạm các quy định về thực hiện nếp sống văn minh, thực hành tiết kiệm trong việc cưới, việc tang và lễ hội; không khiếu kiện đông người trái pháp luật; nhiều mâu thuẫn, bất hoà được giải quyết tại cộng đồng. Đa số các cặp vợ chồng thực hiện đúng Luật Hôn nhân và Gia đình. Hầu hết các đám cưới được tổ chức đảm bảo lành mạnh, tiết kiệm, vui tươi, không phô trương, lãng phí. Qua thống kê của cơ quan chức năng có hơn 97% số đám cưới; trên 99% đám tang được thực hiện theo nếp sống văn minh. Các lễ hội được tổ chức tiết kiệm, phù hợp với điều kiện kinh tế, phong tục tập quán và truyền thống dân tộc.

Tại cộng đồng dân cư, các thôn, bản chấp hành tốt các quy ước, thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, tuyên truyền, hội họp phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước xây dựng khối đại đoàn kết, tích cực tham gia phòng, chống các tệ nạn xã hội, vệ sinh môi trường. Hệ thống thiết chế văn hoá thể thao của tỉnh đã được quan tâm đầu tư, xây dựng, tạo địa điểm sinh hoạt văn hoá tại chỗ cho nhân dân. Toàn tỉnh có 10/10 nhà văn hoá huyện (chiếm 100%); 95/129 nhà văn hoá xã, phường, thị trấn (chiếm 73,6%); 684/1.444 nhà văn hoá thôn, bản, tổ dân phố (chiếm 47,4%)… góp phần tích cực nâng cao đời sống văn hoá cho bà con ở khu dân cư, nhất là khu vực nông thôn, vùng cao, biên giới.

(Theo Gia Kiệt, baodienbienphu.info.vn)

– Tỉnh Điện Biên đã phát động những phong trào gì để xây dựng nếp sống văn hóa trong cộng đồng dân cư?

– Người dân tỉnh Điện Biên đã hưởng ứng và thực hiện những hoạt động, phong trào đó như thế nào?

– Việc tổ chức các hoạt động và phong trào đó đem lại những kết quả gì cho người dân tỉnh Điện Biên?

2. Ý nghĩa của việc xây dựng nếp sống văn hoá ở cộng đồng dân cư

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi:

Những năm qua, phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" đã được xã Mường Luân (huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên) tích cực triển khai và ngày càng phát triển sâu rộng, thu hút đông đảo người dân tham gia thực hiện.

Với nhiều hình thức tuyên truyền đa dạng như: Tuyên truyền miệng, lồng ghép trong các cuộc họp bản, qua hoạt động của các hội, đoàn thể; bằng các băng rôn, khẩu hiệu; qua các buổi biểu diễn văn hoá, văn nghệ, giao lưu thể thao... nhận thức của cán bộ và nhân dân đã có sự chuyển biến tích cực. Đặc biệt, tại 13 bản của xã đều thành lập được các ban vận động phong trào để tổ chức phổ biến, quán triệt cho nhân dân nắm vững các quy định, tiêu chuẩn của gia đình văn hoá, bản văn hoá; thường xuyên nhắc nhở và giám sát việc thực hiện tốt các tiêu chí xây dựng.



Hình 12.4. Người dân bản Mường Luân 1, 2 làm đường bê tông vào tháp Mường Luân

Nhằm giúp người dân phát triển kinh tế, đoàn kết giúp nhau xoá đói giảm nghèo, xã vận động nhân dân quan tâm chăm lo sản xuất, tạo điều kiện giúp người dân vay vốn uỷ thác qua các hội, đoàn thể; triển khai một số mô hình giảm nghèo như: Mô hình chăn nuôi gà, lợn thịt, nuôi cá tại bản Mường Luân 2; mô hình trồng cỏ voi tại bản Na Hát và Pá Pao 1... Đồng thời, vận động nhân dân tham gia ủng hộ Quỹ Vì người nghèo để có nguồn kinh phí tặng quà, sửa chữa, xây dựng nhà ở cho hộ có hoàn cảnh khó khăn. Từ năm 2019 đến nay, có 4 hộ nghèo trong xã được hỗ trợ sửa chữa, xây dựng nhà ở với tổng kinh phí 44 triệu đồng.

Thực hiện nếp sống văn hoá, kỉ cương pháp luật, người dân xã Mường Luân thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, quy định của địa phương, tham gia xây dựng quy ước, hương ước của cộng đồng, bài trừ các tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan. Đến nay, tất cả các bản trong xã đều đã xây dựng được quy ước, các hủ tục như để người chết quá lâu, tổ chức việc cưới và việc tang lãng phí (mổ trâu, bò), tình trạng tảo hôn, kết hôn cận huyết thống đã từng bước được hạn chế, đẩy lùi.

Để xây dựng môi trường văn hoá, xã vận động nhân dân đăng kí thực hiện "gia đình văn hoá", "bản văn hoá"; không nuôi nhốt gia súc dưới gầm sàn, thường xuyên quét dọn vệ sinh đường làng ngõ xóm; làm nhà tiêu hợp vệ sinh; hiến đất, đóng góp ngày công xây dựng nông thôn mới. Chủ động xây dựng thiết chế văn hoá, đến nay toàn xã có 1 sân vận động và nhà văn hoá xã, 6 sân thể thao, 13/13 bản đều có nhà văn hoá. Ngoài ra, nhằm phát triển phong trào văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao xã đã thành lập được 13 đội văn nghệ quần chúng tại các bản để biểu diễn phục vụ nhân dân trong dịp lễ, tết; thành lập 7 câu lạc bộ thể dục thể thao; 6 nhóm phòng, chống bạo lực gia đình; 6 câu lạc bộ phát triển bền vững.

Chú trọng đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá, xã Mường Luân đã đạt những kết quả đáng ghi nhận. Năm 2020, toàn xã có 836/962 hộ đạt gia đình văn hoá (đạt 86,3%), 12/13 được công nhận bản văn hoá (chiếm 92,3%), tỉ lệ hộ nghèo giảm còn 24,5%, hiện xã đã đạt 16/19 tiêu chí và được công nhận cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới. Đáng chú ý, đời sống văn hoá tinh thần của người dân đã được nâng cao, nhân dân đã có ý thức trong việc phát triển kinh tế, xoá đói giảm nghèo, xoá bỏ các hủ tục lạc hậu, giữ gìn vệ sinh môi trường để có cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

(Theo Đức Linh, baodienbienphu.info.vn)

– Người dân xã Mường Luân đã thực hiện những hoạt động gì để hưởng ứng phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá"?

– Những hoạt động đó đã đem lại kết quả như thế nào cho người dân xã Mường Luân?

– Việc xây dựng nếp sống văn hoá trong cộng đồng dân cư có ý nghĩa như thế nào?

Xây dựng nếp sống văn hoá ở cộng đồng dân cư góp phần làm cho cuộc sống bình yên, hạnh phúc, bảo vệ và phát huy truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc.

Góp phần xây dựng nếp sống văn hoá ở cộng đồng dân cư là trách nhiệm của mỗi công dân. Học sinh cần tránh những việc làm xấu và tham gia những hoạt động vừa sức trong việc xây dựng nếp sống văn hoá ở cộng đồng dân cư.

LUYỆN TẬP

Việc làm nào sau đây góp phần xây dựng nếp sống văn hoá trong cộng đồng dân cư ?

a) Các gia đình giúp đỡ nhau làm kinh tế, xoá đói giảm nghèo.

b) Giữ gìn vệ sinh đường làng, lối xóm.

c) Rủ rê, lôi kéo bạn bè đánh bạc, hút chích.

d) Tuyên truyền, vận động bạn bè, người thân đấu tranh chống lại những hủ tục trong việc ma chay, cưới xin.

e) Vận động người dân thực hiện kế hoạch hoá gia đình.

f) Kết hôn trước tuổi pháp luật quy định (tảo hôn).

g) Động viên con, em thi đua học tập tốt, làm nghĩa vụ quân sự khi có lệnh nhập ngũ.

h) Giữ gìn trật tự an ninh trong khu tập thể.

i) Vứt rác bừa bãi, không đúng nơi quy định.

VẬN DỤNG

1. Em hãy xử lí các tình huống sau đây:

1 *Sáng thứ bảy hằng tuần, mỗi nhà trong tổ lại cử một người mang dụng cụ lao động ra làm vệ sinh. Chỉ có gia đình ông H là không có ai. Ông H cho rằng đây là việc của lao công, công nhân môi trường đô thị. Theo em, việc làm của ông H là đúng hay sai? Vì sao?*

2 *Biết M buồn vì chuyện chị gái mới 16 tuổi đã phải đi lấy chồng. T liền an ủi: "Ngày xưa mẹ tớ 15 tuổi đã lấy chồng đấy, có sao đâu? Nhà nước cũng không cấm". Em có đồng ý với ý kiến của T không? Vì sao?*

3 *Được nghỉ học 2 tiết cuối, K liền rủ P cùng vài bạn ra cửa hàng internet chơi điện tử. Lớp trưởng thấy vậy liền nhắc nhở: "Các bạn nên về thẳng nhà, không nên la cà quán xá, chơi bời như vậy dễ sa vào các tệ nạn xã hội lắm đó!". Em có đồng ý với lời khuyên của lớp trưởng không? Vì sao?*

4 *Buổi sáng, bà Q ra chuồng gà để cho gà ăn thì thấy mất 1 con. Bà Q rất tức giận, liền đứng ra ngoài cổng chửi rủa những lời tục tĩu, khó nghe vì không biết ai đã lấy cắp gà của bà. Em đồng ý với hành động của bà Q không? Vì sao?*

2. Em hãy cùng bạn thiết kế poster và lên kế hoạch tổ chức một buổi tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức về xây dựng nếp sống văn hoá, góp phần đẩy lùi các hủ tục lạc hậu cho người dân nơi em sinh sống theo gợi ý sau:

Thiết kế poster	Chuẩn bị: Lên ý tưởng cho poster, giấy, màu,...
	Vẽ poster
Kế hoạch tổ chức một buổi tuyên truyền	Mục đích
	Nội dung
	Cách thức tuyên truyền
	Tổng kết

13 BẢO VỆ VÀ SỬ DỤNG BỀN VỮNG TÀI NGUYÊN RỪNG Ở TỈNH ĐIỆN BIÊN

Học xong chủ đề này, em sẽ:

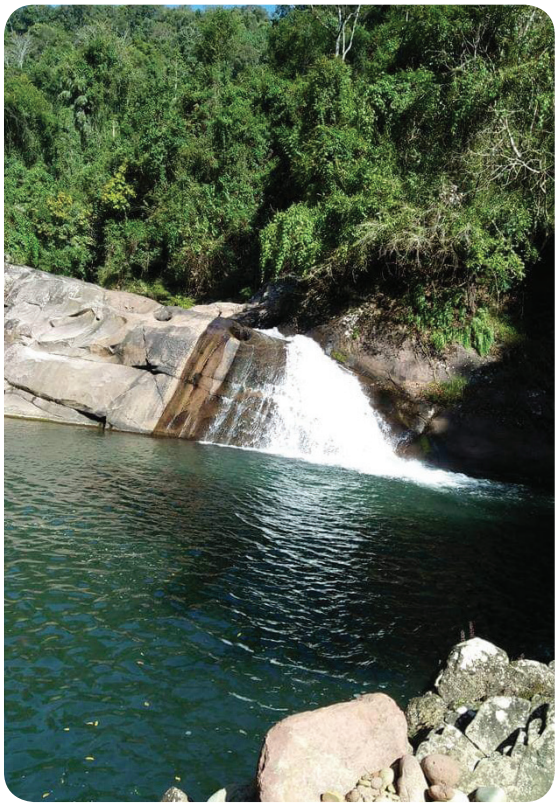
- Trình bày được một số đặc trưng của tài nguyên rừng ở tỉnh Điện Biên.
- Trình bày được một số biện pháp bảo vệ và sử dụng bền vững tài nguyên rừng ở tỉnh Điện Biên.
- Có ý thức tuyên truyền và bảo vệ tài nguyên rừng ở tỉnh Điện Biên.

MỞ ĐẦU

Kể tên các khu bảo tồn thiên nhiên ở tỉnh Điện Biên.



Hình 13.1

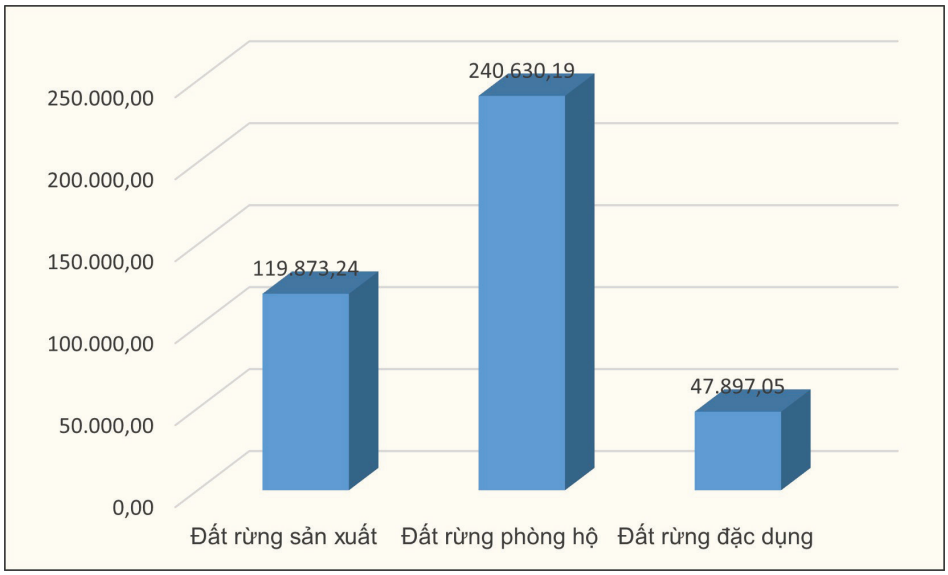


Hình 13.2

KIẾN THỨC MỚI

1. Một số đặc trưng của tài nguyên rừng ở tỉnh Điện Biên

Theo số liệu thống kê năm 2021, tổng diện tích đất lâm nghiệp của tỉnh Điện Biên là 408 400,48 ha gồm đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ và rừng đặc dụng. Tỉ lệ che phủ rừng của tỉnh năm 2021 đạt 42,96% (tăng 0,3% so với năm 2020, tương đương tăng 2 826,56 ha).



Hình 13.3. Diện tích các loại đất rừng tỉnh Điện Biên tính đến 31 tháng 12 năm 2019 (ha)

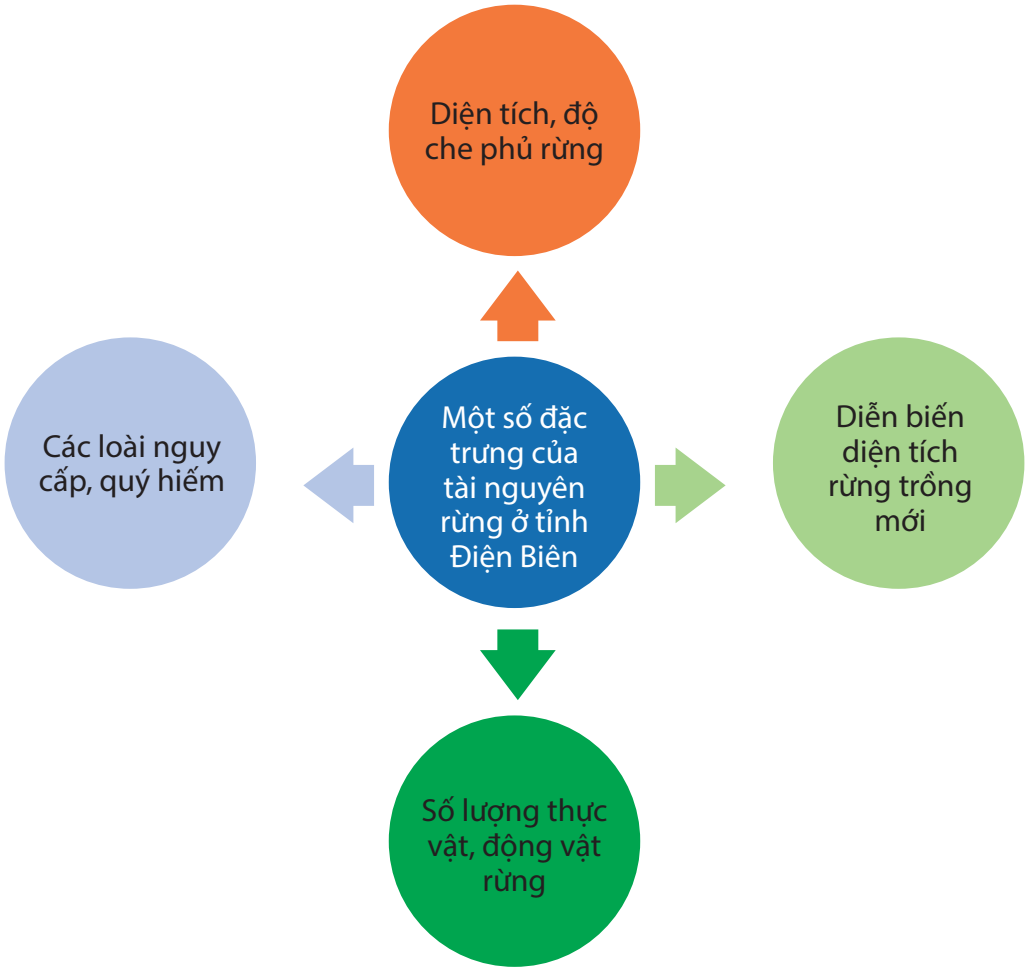
Trong giai đoạn 2017 – 2021, nhiều diện tích rừng trồng mới thể hiện trong bảng sau:

Năm	Rừng sản xuất (ha)	Rừng phòng hộ (ha)	Rừng đặc dụng (ha)	Tổng số (ha)
Năm 2017	1.021,34	202,00	15,36	**1.238,70**
Năm 2018	1.079,50	532,98		**1.612,48**
Năm 2019	258,51	125,52		**384,03**
Năm 2020	85,10	108,87		**193,97**
Năm 2021	20,00	262,11	0,65	**282,76**

Bảng 13.1. Diện tích rừng trồng mới ở tỉnh Điện Biên giai đoạn 2017 – 2021

Tỉnh Điện Biên có điều kiện khí hậu, địa hình và đất đai khá thuận lợi nên tài nguyên rừng ở đây khá đa dạng và phong phú về loài và nguồn gen, đặc biệt ghi nhận nhiều động, thực vật quý hiếm. Trên toàn tỉnh đã ghi nhận 41 loài thực vật được ghi trong Sách Đỏ Việt Nam, IUCN và Nghị định 32 về quản lí thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm; 15 loài thú vừa có trong Sách Đỏ Việt Nam và vừa có trong Nghị định 32; 14 loài bò sát, 12 loài chim được ghi trong Sách Đỏ Việt Nam và Nghị định 32. Một số loài thực vật, động vật quý hiếm nguy cấp như: pơ mu, thông tre, vượn má trắng, tê tê vàng, báo gấm, gấu ngựa, gấu chó, bò tót, sơn dương,…

Trình bày một số đặc trưng của tài nguyên rừng ở tỉnh Điện Biên theo các nội dung gợi ý sau:



2. Bảo vệ và sử dụng bền vững tài nguyên rừng ở tỉnh Điện Biên

Trong thời gian qua, tỉnh Điện Biên đẩy mạnh việc triển khai quản lí rừng bền vững nhằm góp phần bảo vệ đa dạng sinh học, tài nguyên thiên nhiên và các giá trị nguyên sơ, đặc biệt chú trọng bảo vệ diện tích rừng nguyên sinh hiện có; bảo vệ quần thể các loại động vật quý hiếm, các loài đang bị đe doạ, các loài đặc hữu; duy trì giá trị sinh thái và chức năng phòng hộ đầu nguồn bằng các việc làm cụ thể như sau:

– Tuyên truyền vận động người dân bảo vệ tài nguyên rừng; bảo vệ động vật nguy cấp, quý hiếm.

– Tuyên truyền, vận động người dân tích cực nhận khoán, khoanh nuôi, bảo vệ rừng và trồng rừng nhằm nâng cao chất lượng rừng và tỉ lệ che phủ rừng, góp phần bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh.

– Thực hiện chính sách khuyến khích phát triển rừng khoanh nuôi tái sinh, chuyển đổi từ sản xuất nương sang khoanh nuôi tái sinh rừng. Nhờ đó, diện tích rừng khoanh nuôi tái sinh ở tỉnh Điện Biên ngày càng tăng.

– Phê duyệt và triển khai các dự án bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn một số huyện, thị xã, thành phố của tỉnh làm cơ sở để thực hiện các hoạt động trồng rừng, bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng.

– Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên triển khai thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng cho các đơn vị, cá nhân trồng và bảo vệ rừng.



Hình 13.4. Người dân chăm sóc và bảo vệ rừng

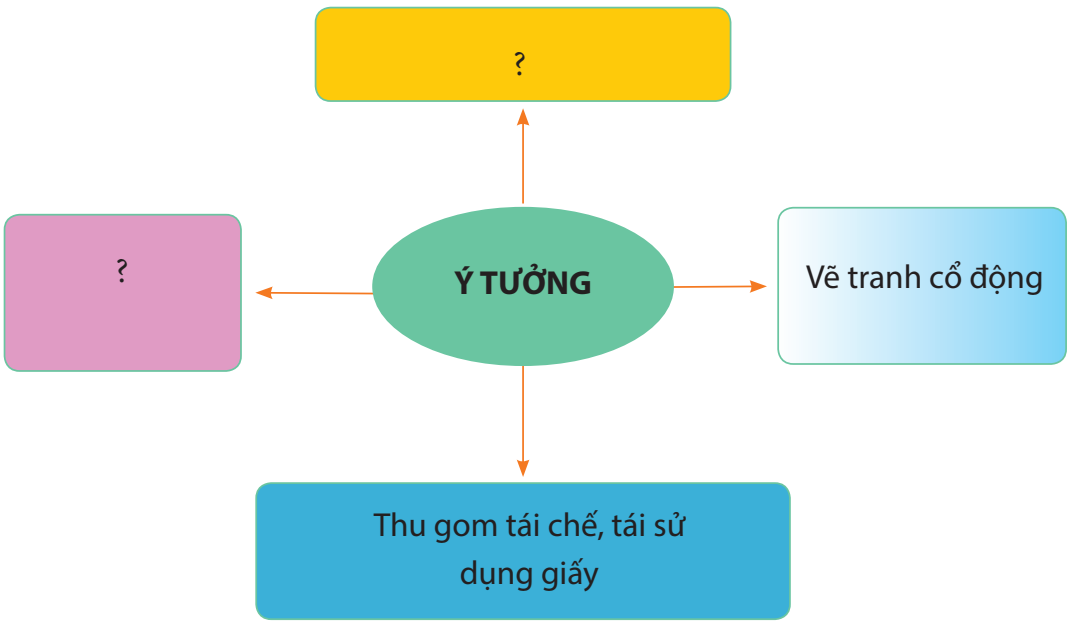


Hình 13.5. Cán bộ kiểm lâm và cán bộ bản tuyên truyền về Luật Lâm nghiệp cho người dân

Lựa chọn và trình bày một số biện pháp bảo vệ và sử dụng bền vững tài nguyên rừng ở tỉnh Điện Biên (tên biện pháp, ý nghĩa của biện pháp, những biện pháp địa phương em sử dụng).

LUYỆN TẬP

1. Cùng xây dựng ý tưởng tuyên truyền bảo vệ tài nguyên rừng ở tỉnh Điện Biên.



2. Tuyên truyền với bạn bè, người thân,... về các biện pháp bảo vệ rừng.

3. Đề xuất 5 việc làm phù hợp với bản thân để bảo vệ tài nguyên rừng ở tỉnh Điện Biên.

VẬN DỤNG

Lựa chọn một hoạt động để tuyên truyền bảo vệ rừng ở tỉnh Điện Biên

- Vẽ tranh cổ động theo chủ đề bảo vệ rừng



Hình 13.4



Hình 13.5

- Làm bưu thiếp/báo tường giới thiệu về các loài thực vật, động vật rừng quý hiếm ở tỉnh Điện Biên. Thi hùng biện về bảo vệ tài nguyên rừng ở tỉnh Điện Biên.

TÌM HIỂU THÊM

MỘT SỐ VAI TRÒ CỦA RỪNG

Rừng là nguồn tài nguyên quý giá của mỗi quốc gia, là một bộ phận quan trọng không thể thiếu của môi trường sinh thái. Bên cạnh đó, rừng còn có giá trị vô cùng lớn đối với đời sống và sản xuất của xã hội:

- Rừng điều hoà không khí trong lành: Rừng giống như một nhà máy thu nhận khí cacbonic và sản xuất ra oxy,... Đặc biệt trong tình trạng trái đất đang ngày một nóng lên như hiện nay, thì việc giảm lượng khí cacbonic là điều cực kì quan trọng.
- Giúp điều tiết lượng nước, phòng chống thiên tai lũ lụt, xói mòn và sạt lở đất: Vai trò của rừng là đặc biệt quan trọng trong phòng chống thiên tai. Điều hoà và giảm tốc độ dòng chảy bề mặt. Ngoài ra, chúng còn giúp khắc phục xói mòn, hạn chế lắng đọng lòng hồ, lòng sông, điều hoà dòng chảy của sông, suối.
- Rừng có tác dụng làm tăng độ phì nhiêu của đất: Khả năng chế ngự dòng chảy của rừng giúp ngăn chặn sự bào mòn đất. Đặc biệt là ở những vùng đồi núi có độ dốc lớn. Rừng giữ cho lớp đất mặt không bị xói mòn và giữ nguyên.

GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

Từ khoá	Giải thích thuật ngữ	Trang
Dân ca	Bài hát lưu truyền trong dân gian thường không rõ tác giả.	7
Nghề nghiệp	Là tập hợp các công việc cụ thể giống nhau về các nhiệm vụ hoặc mức độ tương đồng cao về nhiệm vụ chính.	69
Kĩ năng	Là khả năng thực hiện các nhiệm vụ của một việc làm nhất định.	71
Hủ tục	Là phong tục, tập quán đã lỗi thời, lạc hậu.	76
Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế	Thể hiện ở sự thay đổi tỉ trọng giữa các ngành kinh tế: nông – lâm – thuỷ sản, công nghiệp – xây dựng, dịch vụ và cả giữa các ngành nhỏ trong nội bộ các ngành kinh tế như: giữa trồng trọt và chăn nuôi trong nông nghiệp, giữa khai thác và chế biến trong công nghiệp,...	90

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Hữu Sơn – *Văn hoá H'Mông* – Nhà xuất bản Văn hoá dân tộc, 1996.

2. Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Điện Biên năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020.

3. *Ca dao, tục ngữ, thành ngữ dân tộc Tày – Nùng* – Nhà xuất bản Hội nhà văn.

4. *Địa chí Điện Biên*, 2017, Phần Lịch sử.

5. Điện Biên – 100 năm xây dựng và phát triển (1909 – 2019).

6. Địa chí Sơn La, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2019.

7. Niên giám thống kê tỉnh Điện Biên năm 2019; Niên giám thống kê Việt Nam năm 2019.

8. Kết quả toàn bộ Tổng điều tra dân số năm 2019.

9. *Tục ngữ Thái*, Nhà xuất bản Văn hoá dân tộc, năm 1978.

10. *Thơ ca dân tộc H'Mông từ truyền thống đến hiện đại*, Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên.

11. *Thơ và dân ca tình yêu dân tộc Thái,* Nhà xuất bản Khoa học xã hội.

12. *Thành ngữ, tục ngữ dân tộc Thái,* Nhà xuất bản Văn học dân tộc.

13. Tổng quan văn hoá truyền thống của dân tộc Thái tỉnh Điện Biên (Uỷ ban nhân tỉnh Điện Biên – Sở Khoa học – Hội văn học nghệ thuật – Nhiều tác giả)

14. Uỷ ban nhân dân tỉnh Điện Biên, Sở Khoa học, Hội Văn học nghệ thuật - Nhiều tác giả, Tổng quan văn hoá truyền thống của dân tộc Thái ở tỉnh Điện Biên.

15.https://baotintuc.vn/xa-hoi/bao-ton-da-dang-sinh-hoc-tai-tinh-dien-bien-20170620103537567.html

NGUỒN ẢNH

Hình 2.1; 2.2; 2.4: Địa phương cung cấp
Hình 2.3. Sở Văn hoá, Thể thao, Du lịch tỉnh Điện Biên
Hình 3.1. Trường Trung học phổ thông Dân tộc Nội trú tỉnh Điện Biên
Hình 3.2. Ảnh Mai Xuân Chinh
Hình 3.3. Ảnh Phạm Thị Mai
Hình 3.4; 3.5: Địa phương cung cấp
Hình 3.6; 3.7; 3.10: Ảnh Trần Thị Thuỷ
Hình 3.8; 3.11: Địa phương cung cấp
Hình 3.9: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Điện Biên
Hình 3.12; 3.13: Ảnh Dương Chung -Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Điện Biên
Hình 3.14: Bảo tàng tỉnh Điện Biên
Hình 4.1; 4.2; 4.3; 4.4; 4.5:Địa phương cung cấp
Hình 5.1. Địa phương cung cấp
Hình 6.1; 6.2; 6.3: Địa phương cung cấp
Hình 7.1; 7.2; 7.3; 7.4; 7.5; 7.6: Địa phương cung cấp
Hình 8.1; 8.2; 8.3; 8.4; 8.5: Địa phương cung cấp
Hình 9.1; 9.2; 9.3; 9.4; 9.5; 9.6: Địa phương cung cấp
Hình 11.1; 11.2; 11.3: Địa phương cung cấp
Hình 12.1; 12.2; 12.3: Địa phương cung cấp
Hình 12.4. Ảnh Lò Ngọc Duyên, baodienbienphu.info.vn
Hình 12.5. Ảnh Nguyễn Thị Loan, svhttdldienbien.gov.vn
Hình 12.6. Ảnh Thảo Vy, cand.com.vn
Hình 13.1; 13.2; 13.4; 13.5 Địa phương cung cấp

Bản quyền thuộc Dự án Trung học cơ sở khu vực khó khăn nhất giai đoạn 2.

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TỈNH ĐIỆN BIÊN LỚP 7
Mã số: ……
In … bản, (QĐ …) khổ 19 x 26,5 cm.
Đơn vị in: …
Cơ sở in: …
Số ĐKXB: …-2021/CXBIPH/…-…/GD.
Số QĐXB: …/QĐ - GD - HN ngày … tháng … năm 20…
In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 20...
Mã số ISBN: ……